

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2021**

TỪ VIẾT TẮT

Công ty/ TCO	Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng
TCT TCSG/ TCSG	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
BKS	Ban kiểm soát
HĐQT	Hội đồng quản trị
CBNV	Cán bộ nhân viên
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty Cổ phần
SXKD	Sản xuất kinh doanh
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội



MỤC LỤC

Phần I

NĂM 2021 - TCO 08

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	08
Sự kiện nổi bật năm 2021	10
Con số nổi bật	12
Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi	13
Thông tin khái quát	14
Ngành nghề kinh doanh chính	15
Phạm vi hoạt động	16
Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý	17
Các công ty con, công ty liên kết	18
Lịch sử 10 năm phát triển	20
Giới thiệu ban lãnh đạo	22
Nguồn lực	26

Phần II

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021 30

Thông điệp của Tổng Giám đốc	32
Báo cáo tình hình hoạt động năm 2021	34
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	36
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	38
Báo cáo của Hội đồng quản trị	50
Báo cáo của Ban kiểm soát	54

Phần III

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 58

Hội đồng quản trị	60
Ban kiểm soát	63
Thù lao và các lợi ích khác	64
Quản trị rủi ro	66

Phần IV

CHỨNG KHOÁN TOS 70

Thông tin cơ bản	72
Cổ đông	73
Quan hệ cổ đông	75

Phần V

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2021 76

NĂM 2021 - TCO

- 8 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 10 Sự kiện nổi bật năm 2021
- 12 Con số nổi bật
- 13 Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi
- 14 Thông tin khái quát
- 15 Ngành nghề kinh doanh
- 16 Phạm vi hoạt động
- 17 Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý
- 18 Các công ty con, công ty liên kết
- 20 Lịch sử 10 năm phát triển
- 22 Giới thiệu ban lãnh đạo
- 26 Nguồn lực



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và Toàn thể cán bộ nhân viên,

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi tới Quý vị lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công đến Quý vị - những người đã dành nhiều tình cảm và tâm huyết cùng đồng hành với TCO trong suốt thời gian qua.

Năm 2021, diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 với những biến thể mới của virus Sars-CoV-2 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh, cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Theo số liệu của Tổng cục thống kê cho thấy tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2021 chỉ ở mức 2,58%, thấp nhất trong vòng 30 năm qua. Trong những tháng cuối năm, các địa phương đã đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin và dần chuyển sang trạng thái "bình thường mới", đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh. GDP quý IV/2021 đã có sự phục hồi ấn tượng, tăng 5,2% so với cùng kỳ. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp lần lượt 13,97%, 63,80% và 22,23% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Các kết quả tích cực trên là do sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp và Nhân dân cả nước.

Với sự nỗ lực, quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên, TCO đã đạt được những kết quả kinh doanh năm 2021 đáng ghi nhận: doanh thu đạt 1.595,82 tỷ đồng, tăng 19,30% so với năm 2020, lợi nhuận sau thuế đạt 208,65 tỷ đồng, tăng 59,34% so với năm 2020.

Tiếp nối năm 2021, kinh tế Việt Nam năm 2022 dự kiến sẽ đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức mới.

- Tăng trưởng GDP năm 2022 của Việt Nam được WB và IMF dự báo nằm trong khoảng 6%-6,5% YoY, dẫn đầu trong các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương.
- Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, áp lực lạm phát trong năm 2022 được đánh giá là rất lớn do (1) giá nguyên nhiên vật liệu nhập khẩu tăng cao sẽ đẩy chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong nước tăng theo, (2) những nhóm hàng hóa bị ảnh hưởng bởi giãn cách xã hội như dịch vụ ăn uống ngoài gia đình, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí sẽ tăng giá trở lại khi dịch bệnh được kiểm soát.
- Ngành cảng biển duy trì triển vọng khá quan nhờ chiến dịch tiêm chủng toàn cầu cùng cố triển vọng thương mại và gia tăng lượng hàng hóa qua cảng.
- Sự xuất hiện của biến thể Omicron hoặc bất kỳ biến thể mới nào khác áp lực lên mức độ khôi phục nền kinh tế.

Với những nhận định đó, Công ty đặt ra kế hoạch năm 2022 là: Tổng doanh thu Công ty mẹ 1.180 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế dự kiến

140 tỷ đồng với mức chia cổ tức dự kiến là 25%/Vốn điều lệ. Đồng thời, Công ty sẽ tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, số hóa và chuyển đổi số quy trình quản lý bằng cách rà soát và cải tiến các quy trình nội bộ, tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ thuyền viên, và duy trì các khách hàng truyền thống đồng thời đẩy mạnh phát triển thị trường.

Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng cam kết sẽ tiếp tục phát huy lợi thế, năng lực hiện có, tận dụng mọi thời cơ cùng với sự nỗ lực quyết tâm vượt lên vượt qua mọi thách thức, cùng chung tay xây dựng Công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ đồng thời đảm bảo quyền lợi tốt nhất đến Quý cổ đông, khách hàng, chăm sóc tốt đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công nhân viên, người lao động và cam kết sử dụng hiệu quả tài nguyên, môi trường gắn với phát triển bền vững.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân đến Quý cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn đồng hành cùng Công ty. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới toàn thể người lao động vì những nỗ lực hết mình đóng góp cho thành quả của Công ty trong thời gian qua.

Trân trọng cảm ơn!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN VĂN HẠNH

SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2021

1 Ngày 08/09/2021 – ngày giao dịch đầu tiên của mã cổ phiếu TOS – CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng trên sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Tại 31/12/2021, vốn hóa thị trường đạt 1.500 tỷ đồng.



2 Triển khai hàng loạt các hợp đồng tàu dịch vụ dài hạn tại thị trường nước ngoài như Thái Lan, Malaysia. Phát triển dịch vụ đến các thị trường mới như Dubai, Ấn Độ.



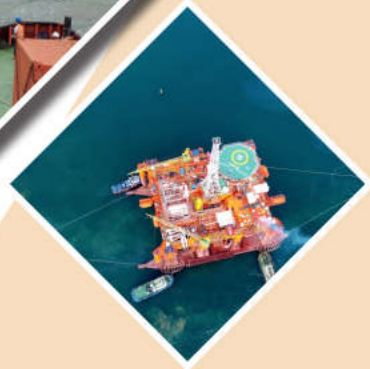
3 Thành lập Trung tâm cứu hộ, cứu nạn Tân Cảng với trụ sở tại Vũng Tàu. Hướng đến mục tiêu trở thành nhà cung cấp dịch vụ Cứu hộ cứu nạn số 1 Việt Nam.



4 Phát triển mảng dịch vụ sản xuất & sửa chữa thiết bị xếp dỡ với thương hiệu Tân Cảng Gantry.



5 Triển khai đầu tư hệ thống thiết bị nạo vét. Thành lập Công ty nạo vét và trục vớt Tân Cảng trong Quý I/2022, đồng thời thực hiện nhiệm vụ kinh tế kết hợp quốc phòng.



6 Hướng về cộng đồng
- Ủng hộ trang thiết bị, tiến cho các hoạt động phòng chống dịch Covid19 tại Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh và Quảng Ninh.

- Ủng hộ Quỹ Nhịp tim cho em hỗ trợ kinh phí mổ tim cho 4 bé.



7 Ngày 17/03/2022 Nhân kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty, TCO vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng ba của Chủ tịch nước và bằng khen của Bộ Tư lệnh Hải quân.



CON SỐ NỔI BẬT

Tổng doanh thu hợp nhất

1.595,82 tỷ VND

↗ 19,30% so với thực hiện năm 2020

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất

236,03 tỷ VND

↗ 29,82% so với thực hiện năm 2020

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất

208,65 tỷ VND

↗ 59,34% so với thực hiện năm 2020

Tổng doanh thu công ty mẹ

1.157,80 tỷ VND

↗ 10,35% kế hoạch 2021
↗ 15,72% so với thực hiện năm 2020

Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ

142,25 tỷ VND

↗ 1,02% kế hoạch 2021
↗ 8,30% so với thực hiện năm 2020

Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ

134,95 tỷ VND

↗ 3,17% kế hoạch 2021
↗ 11,84% so với thực hiện năm 2020

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn

Trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các Dịch vụ ngoài khơi và Cứu hộ cứu nạn tại Việt Nam.

Sứ mệnh

- ↘ Với hệ thống - Góp phần xây dựng thành công trụ cột thứ 3 của TCSG trong việc phát triển trở thành Bình đoàn kinh tế biển.
- ↘ Với khách hàng và đối tác - Mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, tạo dựng mối quan hệ uy tín, tin cậy, hợp tác lâu dài với đối tác.
- ↘ Là niềm tin vững chắc, gắn kết lợi ích của công ty với lợi ích chung của người lao động, cổ đông và trách nhiệm với cộng đồng.

Giá trị cốt lõi



Tiên phong



Chuyên nghiệp



Sáng tạo



Hiệu quả



Nhân ái

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÀN CẢNG		
Tên viết tắt	TAN CANG OFFSHORE		
Tên tiếng Anh	Tan Cang Offshore Services Joint Stock Company		
Mã chứng khoán	TOS		
Vốn điều lệ	267.981.250.000 đồng		
Giấy CNĐKDN	Đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp		
Trụ sở chính	Số 722, Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh		
Điện thoại	028 3941 3981	Fax	028 3821 6446
Website	www.tancangoffshore.com	Email	commercial@tco.com.vn
Ngành nghề kinh doanh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy		

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Với định hướng quản lý và khai thác đội tàu dịch vụ cho ngành dầu khí làm nền tảng, đồng thời xây dựng và phát triển các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ liên quan đến kinh tế biển, hiện các lĩnh vực kinh doanh chính của TCO bao gồm:

- Dịch vụ hàng hải ngoài khơi
- Dịch vụ hàng hải gần bờ
- Khai thác cơ sở hạ tầng cảng & Đầu tư tài chính
- Dịch vụ Quản lý khách sạn & Du lịch
- Dịch vụ Cung ứng



PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Hiện nay, đội tàu dịch vụ ngoài khơi mang thương hiệu Tan Cang Offshore đã hiện diện và cung cấp dịch vụ tại các thị trường dầu khí lớn trong khu vực như: Nga, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Myanmar, Bangladesh, Ấn Độ, Úc.



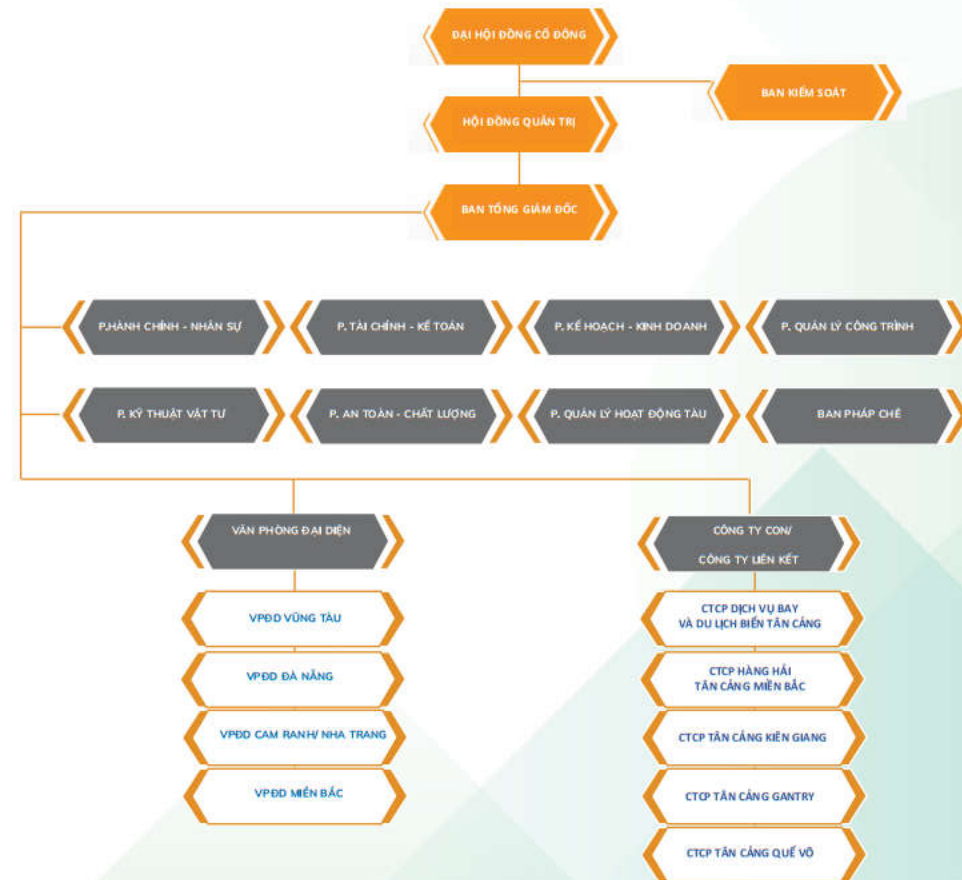
CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Năm 2021, TCO hoạt động theo mô hình được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị không thành lập tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

Cơ cấu bộ máy quản lý

Đáp ứng nhu cầu chuyên nghiệp hoá hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển các lĩnh vực kinh doanh mới, TCO hiện có 8 phòng ban chức năng, 04 văn phòng đại diện và 06 Công ty con/ Công ty liên kết. Chi tiết sơ đồ cơ cấu tổ chức như sau:



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tính đến thời điểm 31/12/2021, mô hình hoạt động của TCO bao gồm 04 công ty con và 02 công ty liên kết.

Tên công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
CTCP Dịch vụ bay và dịch vụ biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp thực phẩm; đại lý du lịch; kinh doanh khách sạn; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; cho thuê máy móc thiết bị.	51%
CTCP Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	60%
CTCP Hàng hải Tân Cảng miền Bắc	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho tải đường thủy	54%
CTCP Cung ứng TCOTS – Cát Lái (*)	162/24 đường 42, Khu phố 5, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động bán hàng siêu thị, cung cấp dịch vụ ăn uống	51%

(*) Công ty con gián tiếp thông qua CTCP Dịch vụ Bay và Dịch vụ Biển Tân Cảng.

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
CTCP Tân Cảng Quế Võ	Thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Hoạt động đầu tư cảng cạn ICD tại Quế Võ, Bắc Ninh	40%
CTCP Tân Cảng Gantry (tên cũ: CTCP Tân Cảng - Mitsui)	Lầu 6, 16 - 18 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải; Các hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	45%



Công ty Cổ phần Dịch Vụ Biển Tân Cảng là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (TCT TCSG) - một đơn vị có thế mạnh khai thác các cảng biển container lớn chiếm trên 50% thị phần trong nước. TCO được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2012 với ngành nghề kinh doanh chính là hoạt động dịch vụ cho ngành dầu khí, đặc biệt là thị trường dịch vụ ngoài khơi, - một trong những trụ cột kinh doanh chính của TCT TCSG. Lấy dịch vụ cung ứng tàu dịch vụ dầu khí đa năng làm then chốt và nền tảng, hướng đến mục tiêu trở thành một trong những đơn vị cung cấp dịch vụ cho ngành dầu khí hàng đầu Việt Nam và khu vực.

17/03/2012

Thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng (TCO), thực hiện trụ cột thứ 3 - "Vận tải và Dịch vụ biển" của TCT Tân Cảng Sài Gòn (SNP).

2012 - 2014

Đầu tư xây dựng 224 m cầu cảng, gần 15 ha bãi container tại cảng Cát Lái, góp phần tăng 33% lượng hàng thông qua cảng, đưa SNP vươn lên vị trí thứ 19 các cụm cảng container có sản lượng lớn nhất thế giới.

16/03/2015

Thành lập Công ty Cổ phần bay và Du lịch biển Tân Cảng (TCOTS), thực hiện nhiệm vụ cung ứng hậu cần, đảm bảo lương thực thực phẩm cho các đơn vị, các cảng của SNP và các đơn vị, vùng Hải quân.

2014 - 2017

Xây lắp thành công 12/14 Nhà giàn DK, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

04/01/2017

Thành lập Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang, mục tiêu xây dựng cảng tổng hợp 20ha, là căn cứ hậu cần dầu khí khu vực Tây Nam, thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn trên biển.

30/01/2018

Thành lập Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng miền Bắc (TCM), cung cấp tàu tại khu vực các cảng container, phát triển mạng dịch vụ hàng hải gần bờ (Near shore).

13/03/2018

Mua cổ phần và tái cấu trúc Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ, liên doanh với PSA đầu tư và cho thuê 10ha ICD tại Bắc Ninh, kết nối hành lang kinh tế trọng điểm phía Bắc.

2012 - 2015

2016

2021

Ngày 17/03/2022 Nhân kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty, TCO vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng ba của Chủ tịch nước và bằng khen của Bộ Tư lệnh Hải quân.



08/09/2021

Chính thức niêm yết cổ phiếu TOS trên sàn chứng khoán UPCOM, đưa TCO trở thành công ty đại chúng, nâng cao uy tín và sự minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh của TCO.

Quý III/2021

Mua cổ phần, thành lập Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry (TCG), phát triển trụ cột thứ 4 của TCO - sản xuất, lắp ráp, mua bán, cho thuê cầu RTG.

Lịch sử 10 năm phát triển

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị gồm 03 thành viên. Tất cả thành viên Hội đồng quản trị của TCO đều là những người có bề dày kinh nghiệm trong công tác quản trị, điều hành tại các doanh nghiệp và am hiểu sâu sắc về lĩnh vực kinh doanh của TCO.

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông NGUYỄN VĂN HẠNH	Chủ tịch HĐQT
2	Ông NGUYỄN SƠN	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông LÊ ĐĂNG PHÚC	Thành viên HĐQT



Ông NGUYỄN VĂN HẠNH

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1964

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 10.617 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu: 0,04%

- ↘ **1983 - 1992:** Học viên - Trường Sĩ quan hải quân;
- ↘ **1993 - 2004:** Thuyền phó, Thuyền trưởng, Phó Hải đội trưởng, Phó Thuyền trưởng - Tàu HQ503 - Lữ đoàn 125 Hải Quân;
- ↘ **2006 - 2007:** Phó Trưởng phòng - Phòng kế hoạch quân sự/ Phòng Quân sự bảo vệ - Quân Cảng Sài Gòn;
- ↘ **12/2009:** Trưởng phòng - Phòng Quân sự bảo vệ - Quân Cảng Sài Gòn;
- ↘ **04/2013 - 03/2022:** Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn;
- ↘ **02/2021 - nay:** Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng;



Ông NGUYỄN SƠN

Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1974

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 245.000 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu: 0,9245%

- ↘ **4/2008 - nay:** Tổng giám đốc - Công ty cổ phần đầu tư quản lý tài sản Á Châu;
- ↘ **3/2012 - nay:** Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng;

Ông LÊ ĐĂNG PHÚC

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 1.257.667 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu: 4,7459%

- ↘ **2012 - nay:** Giám đốc - Công ty CP Dịch vụ Biển Tân Cảng;
- ↘ **2012 - nay:** Thành viên HĐQT - Công ty CP Dịch vụ Biển Tân Cảng;
- ↘ **2015 - nay:** Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Bay và du lịch biển Tân Cảng;
- ↘ **2018 - nay:** Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc;



BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên là những người có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đồng thời đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS theo đúng quy định pháp luật.

Ông PHẠM HUY VŨ

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1985
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán kiểm toán

Bà NGUYỄN THỊ GẮM

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1983
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật, Luật sư

Bà NGUYỄN THỊ BẠCH CÚC

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1985
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành của TCO gồm 04 thành viên.

Ông LÊ ĐĂNG PHÚC

Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1976
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế
Số lượng cổ phiếu sở hữu: 1.257.667 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 4,7459%



Ông PHẠM THANH BÌNH

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1980
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Ông NGUYỄN QUỐC DŨNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1967
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ



Ông NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1962
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân

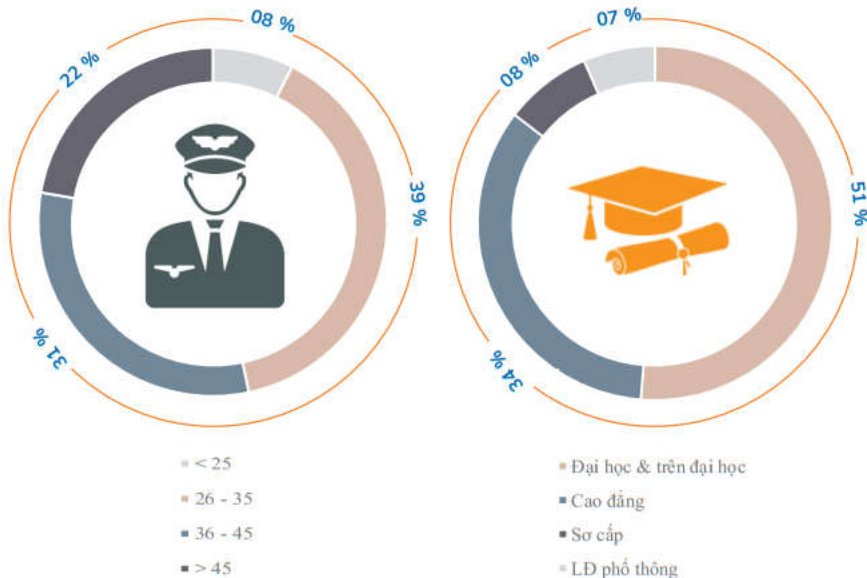
NGUỒN LỰC

Hệ thống quản lý

Với số lượng và phạm vi hoạt động của đội tàu ngày càng tăng, Ban điều hành xác định mục tiêu đảm bảo an toàn cho con người và phương tiện được quan tâm hàng đầu. TCO đã áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015, hệ thống quản lý tàu biển, trang thiết bị cho ngành dịch vụ ngoài khơi theo tiêu chuẩn quốc tế (SMS, OVID, IMCA) vào công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Nguồn nhân lực

TCO đã xây dựng được nguồn nhân lực chuyên nghiệp, có chuyên môn nghiệp vụ cao, giàu kinh nghiệm và tính sáng tạo. Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng số lao động của toàn bộ hệ thống là 633 nhân sự, đảm bảo thu nhập bình quân đạt 24,8 triệu đồng/tháng. Trong đó bao gồm đội ngũ thuyền viên, chuyên gia trong mảng dịch vụ hàng hải ngoài khơi với hơn 400 thuyền viên chất lượng cao trong và ngoài nước, không ngừng được đào tạo nâng lực chuyên môn trong công tác.



Chính sách đối với người lao động

Nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ nhân sự, trong năm 2021, Công ty đã triển khai chuỗi chương trình đào tạo nội bộ cho CBNV các chuyên đề về Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu thầu, Luật Lao động, Luật Đầu tư và các vấn đề thuế hiện hành với giáo trình chuyên sâu về hoạt động sản xuất kinh doanh cho ngành hàng hải. Đồng thời, nhằm mục đích gia tăng tính chuyên nghiệp và trình độ của đội ngũ thuyền viên, Công ty cũng đã tổ chức hàng loạt các buổi đào tạo và tập huấn cho đội ngũ thuyền viên đang làm việc trên các tàu dịch vụ của công ty về công tác an toàn, an ninh trong các hoạt động hàng hải trên biển theo các hệ thống quản lý tàu và phương tiện hàng hải tiêu chuẩn quốc tế như SMS và IMCA.

- **Chính sách tuyển dụng:** Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học, cao đẳng trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty, sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn nhân lực phát triển lâu dài cho Công ty.

- **Chính sách đào tạo:** Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực, Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo và huấn luyện nguồn nhân lực. Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn phù hợp với vị trí công tác và năng lực của nhân viên cho toàn thể người lao động trong Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn coi trọng việc thu hút nhân tài nhằm trẻ hóa nguồn lao động và bổ sung thêm nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng phát triển năng lực, kiến thức, kỹ năng của đội ngũ sẵn có theo hướng chuyên nghiệp hóa, đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ mới trong thời kỳ hội nhập toàn cầu hiện nay.

- **Chính sách lương, thưởng và các chế độ khác đối với người lao động:** Nhằm đảm bảo thực hiện việc trả lương, thưởng và các phúc lợi xã hội cho người lao động một cách công bằng, hợp lý trên cơ sở đánh giá giá trị đóng góp, năng lực và hiệu quả công việc của người lao động, phù hợp với hoạt động dịch vụ sản xuất kinh doanh chính là ngành dịch vụ tàu dầu khí biển. Công ty đã tiến hành xây dựng và ban hành Quy chế tiền lương ngày 08 tháng 5 năm 2014 theo Quyết định số 01A/2014/QĐ-HĐQT.

- **Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội:** Công ty đảm bảo chi trả lương thưởng, trợ cấp xã hội cũng như chế độ bảo hiểm phù hợp với Luật Lao động, các điều luật khác liên quan cũng như Điều lệ công ty. Công ty cũng có chế độ phụ cấp rủi ro, phụ cấp chuyên môn và các khoản thưởng khác tùy vào tình hình và điều kiện cụ thể. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên nâng cao chính sách phúc lợi cho CBCNV bằng các trợ cấp đối với các nhân viên cưới hỏi, ốm đau - nằm viện, thai sản, nghỉ hưu, mất sức, chế độ tang chế. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cùng Công đoàn công ty luôn chú tâm phát triển phong trào văn thể mỹ và duy trì các hoạt động ngoại khóa như các giải thể thao, văn nghệ, sinh hoạt tập thể, tổ chức từ thiện giúp đỡ người nghèo. Công ty cũng đảm bảo các điều kiện an toàn và bảo hiểm theo đúng quy định với tất cả các đối tượng lao động trong Công ty, đặc biệt là lao động trong các lĩnh vực đặc thù thường xuyên phải đối mặt với rủi ro trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải.

Cơ sở vật chất kỹ thuật

TCO đang sở hữu, quản lý và khai thác trên 24 tàu biển, đa dạng về công suất và chủng loại bao gồm các tàu dịch vụ sở hữu hệ thống định vị động học DP2 (Dynamic Positioning), các tàu có khả năng hỗ trợ trong các chiến dịch khoan, thăm dò, khai thác dầu khí, chữa cháy, cứu hộ cứu nạn trên biển, trục mỏ, bảo vệ các công trình ngoài khơi và đội tàu lai kéo chân vịt mũi Azimuth) phục vụ hoạt động lai đất trong cảng và hoạt động hàng hải gần bờ... Đội tàu trên được quản lý và vận hành bởi đội ngũ thuyền viên Việt Nam và quốc tế với năng lực chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm. Ngoài ra, TCO còn đang sở hữu, quản lý 02 thiết bị Remotely Operated Underwater Vehicle (ROV) chuyên dụng cho các dự án khảo sát, sửa chữa và thi công các công trình ngầm dưới đáy biển.

Trong lĩnh vực khai thác cơ sở hạ tầng cảng và đầu tư tài chính, TCO và các công ty thành viên đang sở hữu và quản lý 224 m cầu cảng, 15 hecta bãi container tại cảng Tân Cảng Cát Lái, TP.HCM và hơn 33 hecta cầu cảng, kho bãi container và 11 thiết bị xếp dỡ trong cảng tại các vị trí logistics chiến lược trên cả nước.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

2

- 32 Thông điệp của Tổng Giám đốc
- 34 Báo cáo tình hình hoạt động trong năm 2021
- 36 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
- 38 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 50 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 54 Báo cáo của Ban kiểm soát



THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính thưa quý vị cố đồng,

Năm 2021 tiếp tục là một năm đầy biến động và thách thức đối thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Trong đó, dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diện biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường kinh doanh và các vấn đề xã hội.

Trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí, năm 2021 chứng kiến việc giá dầu tăng mạnh nhất trong vòng 12 năm qua khi nguồn cung không đáp ứng được nhu cầu trong thời điểm các nền kinh tế mở cửa và phục hồi sau năm 2020. Tuy nhiên, thị trường tàu dịch vụ dầu khí trong nước vẫn chưa phục hồi do các chiến dịch khoan, thăm dò và khai thác tại Việt Nam vẫn tiếp tục bị dừng và giãn tiến độ triển khai dẫn đến sự cạnh ngày càng gay gắt giữa các công ty dịch vụ cho ngành dầu khí và giá dịch vụ tiếp tục duy trì ở mức thấp.

Với mạng lưới kinh doanh và phạm vi dịch vụ trải dài khắp các vùng biển, cảng biển trọng điểm trên cả nước và các thị trường dầu khí lớn tại các nước trong khu vực, Công ty đã gặp rất nhiều khó khăn từ việc cấm biển giữa các tỉnh thành trong thời gian lần sóng dịch Covid-19 lần thứ 3 và thứ 4 tại Việt Nam; những quy định về cách ly, nhập cảnh khắt khe khi cung cấp tàu dịch vụ ngoài khơi cho các nhà thầu dầu khí lớn trong khu vực; và việc tăng giá thành nguyên vật liệu, dịch vụ do đứt gãy chuỗi cung ứng đã gây ra sức ép rất lớn cho việc kiểm soát chi phí và hiệu

quả kinh doanh. Tại Tp. HCM, bộ máy điều hành công ty cũng phải đối mặt với những thách thức chưa từng có tiền lệ trong công tác quản lý điều hành khi Thành phố phong toả trong vòng gần 5 tháng.

Trong bối cảnh đầy khó khăn, bằng sự nỗ lực, sáng tạo và quyết tâm của Ban lãnh đạo Công ty, lãnh đạo các phòng ban, các đơn vị thành viên và tập thể CBNV, Công ty đã có những biện pháp kịp thời như nhanh chóng tập trung sắp xếp lại cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả; Đẩy mạnh phân cấp phân quyền; Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý; Thực hiện quản lý chi phí theo ngân sách. Các giải pháp trên đã phát huy hiệu quả khi công ty đã hoàn thành các kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với 3,458 ngày tàu và phương tiện, doanh thu tại thị trường nước ngoài tăng gấp 3 lần cùng kì, thực hiện thành công 8 dự án cứu hộ trên biển. Kết thúc năm 2021, doanh thu hợp nhất hoàn thành của công ty đạt 1.595,82 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 236,03 tỷ đồng.

Năm 2022 cũng là năm đánh dấu chặng đường 10 năm hình thành và phát triển của Công ty TCO. Nhân dịp này, TCO vinh dự và tự hào được nhận Huân chương lao động hạng 3 do Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam trao tặng. Đó là một phần thưởng cao quý thể hiện sự ghi nhận của Đảng và Nhà nước về những cống hiến mà tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên TCO đóng góp vào sự phát triển kinh tế đất nước. Phần thưởng này là nguồn cổ vũ, động viên to lớn và động lực mạnh mẽ

để Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên TCO tiếp tục cố gắng, cống hiến nhiều hơn nữa trong chặng đường 10 năm tới. Ban điều hành và toàn thể người lao động trong hệ thống TCO cam kết sẽ cùng đồng lòng, thực hiện tốt hơn nữa vai trò và sứ mệnh trong việc phát triển trụ cột thứ 3 về "Dịch vụ Biển và các ngành kinh tế biển" của TCT TCSG để góp phần tô thắm thêm màu áo TÂN CẢNG SÀI GÒN trên thương trường, xứng đáng với truyền thống vẻ vang của Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn – Đơn vị Anh hùng lao động.

Thay mặt Ban điều hành, tôi trân trọng cảm ơn các đối tác, khách hàng đã luôn hỗ trợ, tin tưởng, đồng hành và lựa chọn TCO là đối tác chiến lược hợp tác trong suốt thời gian qua. Và đặc biệt xin tri ân Quý Cố đồng, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên trong hệ thống TCO đã luôn cố gắng, nỗ lực, đồng hành cùng Ban điều hành vượt qua những khó khăn, thách thức trong suốt thời gian qua.

Trân trọng!

Trân trọng cảm ơn,

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ ĐĂNG PHÚC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng quan nền kinh tế Việt Nam và tình hình chung ngành

Năm 2021, Kinh tế Việt Nam có những bước đầu tích cực nhờ nhu cầu tăng mạnh từ các nước phát triển, sự phục hồi của cầu tiêu dùng nội địa và nguồn vốn đầu tư trong nước. Nền kinh tế hoạt động khá ấn tượng với GDP trong nửa đầu năm 2021 tăng 5,6% so với cùng kỳ. Tuy nhiên sự xuất hiện của biến thể virus Sars-Cov-2 (Delta và Omicron) đã gây áp lực lên tất cả các lĩnh vực nền kinh tế không chỉ Việt Nam mà trên toàn cầu. Trong Quý III/2021, số ca nhiễm COVID-19 tăng cao buộc Chính phủ tái áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội tại nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước, trong đó có thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh – đầu tàu kinh tế của cả nước. GDP Việt Nam trong Quý 3/21 giảm 6,2% so với cùng kỳ, đây là mức tăng trưởng hàng quý thấp nhất từng được Tổng Cục Thống Kê ghi nhận. Năm 2021, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 1,84% so với năm 2020, mức tăng chậm nhất kể từ năm 2016, và lạm phát cơ bản (loại bỏ ảnh hưởng của nhóm lương thực – thực phẩm và năng lượng) tăng 0,81% so với năm trước nhờ các chính sách hỗ trợ người dân trong đại dịch.

Mặc dù chịu tác động lớn từ đại dịch COVID-19, song tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam năm 2021 vẫn đạt hơn 703 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2020. Đặc biệt, khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu vận tải quốc tế của đội tàu biển Việt Nam đạt mức tăng trưởng hiếm có, tăng tới 54% (đạt gần 5 triệu tấn) so với năm 2020. Hệ thống cảng biển Việt Nam luôn ổn định, không để xảy ra tình trạng tắc nghẽn. Sản lượng hàng container thông qua cảng biển Việt Nam vẫn tăng trưởng hơn 18% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, hàng container xuất khẩu tăng 16%, hàng nhập khẩu tăng tới 21%. Nhờ sự ổn định của cảng biển, xu thế giá vận tải biển của Việt Nam hiện thấp nhất trong khu vực trên cùng tuyến. Ngoài ra, nhu cầu vận chuyển vẫn mạnh mẽ được thúc đẩy bởi nhu cầu tái dự trữ hàng tồn kho; tăng trưởng sản lượng cảng có thể cải thiện từ mức thấp trong năm 2021; hay để xuất tăng giá dịch vụ cảng biển nếu được thông qua... sẽ là những yếu tố được kỳ vọng hỗ trợ tích cực cho ngành vận tải biển trong năm 2022.

Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu	1.202.879	1.320.738	1.536.160
Doanh thu thuần	1.202.134	1.319.693	1.535.123
Giá vốn hàng bán	906.558	995.512	1.186.311
Lợi nhuận gộp	295.575	324.182	348.811
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	141.519	178.100	195.928
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	2.190	3.800	40.102
Lợi nhuận trước thuế	143.709	181.901	236.030
Lợi nhuận sau thuế	130.479	159.338	208.594

Bảng: Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh giai đoạn 2019 - 2021 (đơn vị: triệu đồng)

Trong năm 2021, TCO nỗ lực duy trì khả năng cung ứng sản phẩm và dịch vụ, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của TCO tăng so với cùng kỳ năm ngoái và đạt mức cao nhất trong 3 năm gần nhất, đạt lần lượt là 1.536.160 và 208.594 triệu đồng. Doanh thu của Công ty năm 2021 so với năm 2020 đạt mức tăng trưởng 19,36%. TCO kiểm soát tốt các chi phí với giá vốn hàng bán có mức tăng trưởng hợp lý và đồng đều, đạt được 1.186.311 triệu đồng tương đương với tăng 19,16% so với năm 2020.

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (TH/KH)
Doanh thu hợp nhất	1.330.112	1.517.800	1.595.819	105%
Lợi nhuận sau thuế	159.337	180.500	208.594	116%

Bảng: Kết quả kinh doanh năm 2021 so với kế hoạch và năm 2020 (đơn vị: triệu đồng)

Tổng doanh thu năm 2021 của Công ty đạt 1.595.819 triệu đồng, tương đương 105% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đặt ra. Lợi nhuận sau thuế trong năm là 208.594 triệu đồng, tương ứng với 116% kế hoạch đề ra.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Tình hình tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/Giảm (%)
Doanh thu thuần (đồng)	1.319.693	1.535.123	16,32
Doanh thu hoạt động tài chính (đồng)	3.109	8.504	173,52
Giá vốn hàng bán (đồng)	995.512	1.186.311	19,16
Chi phí tài chính (đồng)	72.307	62.060	(14,17)
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	181.901	236.030	29,76
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	159.338	208.594	30,91

Bảng: Kết quả kinh doanh năm 2021 so với năm 2020 (đơn vị: triệu đồng)

Bảng chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1. CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,19	1,36
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,08	1,09
2. CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN VÀ ĐẢM BẢO LÃI VAY		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,53	0,55
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,14	1,24
3. CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG		
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	17,03	10,10
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	0,69	0,72
3. CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,12	0,13
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	0,20	0,21
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)	0,08	0,09
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,13	0,12



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bối cảnh thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021

Thuận lợi:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng (TCO) luôn nhận được sự hỗ trợ, định hướng và quan tâm kịp thời của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn trong công tác định hướng sản xuất kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - quốc phòng.
- Chiến lược phát triển dịch vụ ngoài khơi ra các thị trường tiềm năng trong khu vực bao gồm Thái Lan, Myanmar và Malaysia đã phát huy hiệu quả, thể hiện bằng việc thiết lập nhiều mối quan hệ hợp tác lâu dài và tin cậy với các đối tác chiến lược để cùng phát triển kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại các thị trường này. Từ đó, uy tín và thương hiệu TAN CANG OFFSHORE đã được định vị rõ rệt trên thị trường trong và ngoài nước.
- Với chiến lược đầu tư trang thiết bị và trẻ hoá đội tàu dịch vụ, TCO có lợi thế chủ động về phương tiện khi sở hữu và quản lý đội tàu dịch vụ đầu khí với tuổi tàu còn trẻ, trang thiết bị hiện đại và đa dạng về chủng loại, thích hợp với yêu cầu về kỹ thuật và an toàn ngày càng tăng của các nhà thầu trong nước và khu vực.
- Các cán bộ, công nhân viên, đội ngũ thuyền viên Việt Nam và quốc tế của TCO có trình độ chuyên môn cao, năng động, sáng tạo và có nhiều kinh nghiệm ngành dịch vụ ngoài khơi.

Khó khăn:

- Sự tiếp diễn của dịch bệnh Covid-19 tiếp tục gây ra những tác động chưa từng có và mang đến khó khăn rất lớn đến các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh của TCO. Tại TP. HCM, 02 đợt dịch Covid-19 trong năm 2021 cùng với việc hạn chế di chuyển trong và ra khỏi thành phố suốt 05 tháng đã gây ra nhiều khó khăn và phát sinh chi phí lớn trong công tác quản lý điều hành, điều động nhân lực và phối hợp sản xuất kinh doanh.
- Sự cạnh gay gắt từ các đối thủ nội địa và nước ngoài trong công tác chào giá, chào thầu và cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Công tác marketing, tiếp cận và mở rộng thị trường đặc biệt là thị trường quốc tế cũng tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do các chính sách bảo hộ doanh nghiệp trong nước của các nước. Việc cấm biên giữa các nước vì dịch bệnh cũng khiến công tác nghiên cứu và phát triển thị trường gặp rất nhiều trở ngại.

Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2021

TCO đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp, huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành một cách quyết liệt nhằm cố gắng duy trì và hoàn thành mục tiêu SXKD năm 2021. Theo đó, kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2021 đạt 1.595.819 triệu VND doanh thu, đạt 105% kế hoạch năm 2021, tăng 20% so với thực hiện năm trước. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2021 đạt 208.594 triệu VND, đạt 116% kế hoạch và tăng 31% so với thực hiện năm 2020. Chi tiết kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất như sau:

Các chỉ tiêu SXKD hợp nhất

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (TH/KH)
Doanh thu hợp nhất	1.330.112	1.517.800	1.595.819	105%
Lợi nhuận sau thuế	159.337	180.500	208.594	116%

Đơn vị tính: triệu đồng

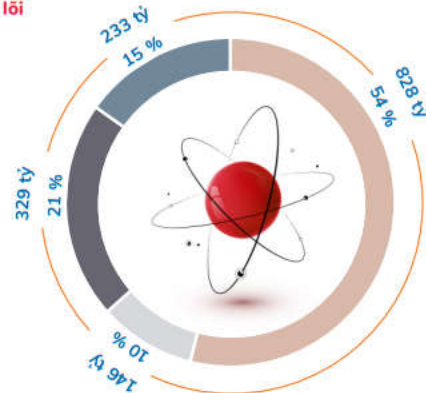
Các chỉ tiêu SXKD công ty mẹ

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (TH/KH)
Tổng doanh thu	1.000.521	1.049.239	1.157.795	110%
Lợi nhuận trước thuế	131.346	140.809	142.250	101%
Lợi nhuận sau thuế	120.840	130.809	134.954	130%
Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ	0,46	0,42	0,50	-

Đơn vị tính: triệu đồng

Cơ cấu doanh thu hoạt động kinh doanh cốt lõi

- Dịch vụ hàng hải ngoài khơi
- Dịch vụ hàng hải gần bờ
- Khai thác cơ sở hạ tầng cảng & Đầu tư tài chính
- Dịch vụ cung ứng, quản lý khách sạn & du lịch



Kết quả thực hiện các hoạt động SXKD cốt lõi



DỊCH VỤ HÀNG HẢI NGOÀI KHƠI

Là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của TCO, bao gồm các hoạt động sản xuất kinh doanh sau:

- Cung cấp tàu dịch vụ dầu khí và bảo vệ địa chấn.
- Cung cấp dịch vụ lai đất và cứu hộ cứu nạn.
- Cung cấp dịch vụ vận chuyển bằng sà lan và tàu kéo
- Cung cấp dịch vụ khảo sát công trình ngầm

Trong năm 2021, hoạt động kinh doanh các dịch vụ hàng hải ngoài khơi tiếp tục gặp nhiều khó khăn và thách thức do sự cạnh tranh, suy giảm nhu cầu và khối lượng công việc trong nước. Tuy nhiên, với chiến lược phát triển ngành dịch vụ hàng hải ngoài khơi ra các nước trong khu vực trong các năm vừa qua, TCO đã triển khai thành công hàng loạt các dự án tàu dịch vụ dầu khí, các dự án lai đất, vận chuyển bằng đường biển cho các khách hàng, các nhà thầu đầu khí tại Malaysia, Thái Lan và Myanmar, cụ thể doanh thu ngoại tệ cho mảng dịch vụ này trong năm tăng gấp hơn 03 lần cùng kì. Đối với thị trường trong nước, TCO vẫn tiếp tục duy trì cung cấp dịch vụ cho các khách hàng truyền thống và phát triển cung cấp dịch vụ vận chuyển và lắp đặt cho các dự án điện gió gần bờ và ngoài khơi. Đồng thời, triển khai 08 dự án cứu hộ cho các tàu container gặp nạn trên biển và mắc cạn tại vùng biển Việt Nam.

Kết quả thực hiện các hoạt động SXKD cốt lõi (tiếp)



DỊCH VỤ HÀNG HẢI GẮN BỜ

Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc (TCM), đơn vị cung cấp dịch vụ hàng hải gắn bờ tiếp tục triển khai an toàn dịch vụ tàu lai dắt hỗ trợ tại 03 cảng biển lớn bao gồm cảng TC-HITC (Hải Phòng), cảng Hoà Phát Dung Quất (Quảng Ngãi), khu vực cảng Diêm Điền (Thái Bình). Đồng thời, TCM cũng đã phát triển dịch vụ ra các cảng biển, các dự án ngoài khơi.

Kết quả kinh doanh thực hiện cả năm đạt 146 tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kì năm 2020.

KHAI THÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG CẢNG & ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Kết quả kinh doanh thực hiện cả năm đạt 328,6 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kì năm 2020. TCO hiện đang tiếp tục triển khai quản lý và vận hành an toàn cầu cảng và các thiết bị xếp dỡ hoạt động tại các cảng thuộc hệ thống cảng biển của TCT TCSG. Tuy nhiên, việc bàn giao lại khu vực bãi container & cầu cảng tại khu vực cảng Tân Cảng Cát Lái cho TCT TCSG từ ngày 15/10/2019 đã ảnh hưởng đến thực hiện doanh thu & lợi nhuận của TCO trong suốt thời gian qua. TCO vẫn đang tiếp tục làm việc với TCT TCSG về phương án khai thác cơ sở hạ tầng, tài sản trên đất, dự kiến hoàn thành trong năm 2022.

DỊCH VỤ CUNG ỨNG QUẢN LÝ KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du Lịch Biển Tân Cảng (TCOTS) hiện đang quản lý và khai thác hệ thống Khách sạn với thương hiệu NAVY HOTEL bao gồm: Khách sạn Navy Hotel Cam Ranh, Khách sạn Navy Hotel Đà Nẵng và Navy Hotel Đà Lạt và dịch vụ du lịch & vé máy bay. Năm 2021 vừa qua cũng là năm thứ 2 ngành du lịch gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ làn sóng dịch covid 19 lần thứ 4. TCOTS tiếp tục triển khai những biện pháp quản trị kịp thời nhằm tiết giảm chi phí, cố gắng duy trì hoạt động.

TCOTS là đơn vị triển khai hoạt động cung ứng nhu yếu phẩm với thương hiệu TAN CANG CATERING cho các đơn vị Vùng 2 Hải Quân, Vùng 4 Hải Quân, cho các cảng trực thuộc TCT TCSG, cho các tàu dịch vụ đầu khở tại khu

vực Vũng Tàu và các trường quốc tế tại khu vực Tp.HCM. Trong năm 2021, TCOTS đã chủ động xoay chuyển nguồn cung, đảm bảo nguyên liệu chất lượng, kịp thời trong điều kiện Tp. HCM và các tỉnh lân cận bị áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội.

Kết quả thực hiện công tác đầu tư

Năm 2021, TCO đã thực hiện công tác chuẩn bị và triển khai thủ tục đầu tư các dự án trong kế hoạch đầu tư đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Kết quả thực hiện giải ngân đầu tư trong năm 2021 bao gồm:

STT	Danh mục tài sản	Vốn tự có	Vốn vay	Tổng cộng
1	Tàu xén thổi Nha Trang	60.170	120.950	181.120
2	Tàu PSV TC Dolphin	30.540	64.610	95.150
3	Tàu PSV TC Eagle	17.970	44.530	62.500
Tổng cộng		108.680	230.090	338.770

Đơn vị tính: triệu đồng

Ngoài đầu tư tài sản cố định, trong năm 2021, TCO đã mua 45% cổ phần tại Công ty Cổ phần Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry). Đồng thời, trong năm TCO cũng đã chuyển nhượng 1.135.530 cổ phần tại Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ cho Công ty PSA Vietnam Pte Ltd, Singapore.

Tên công ty	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị đầu tư (triệu đồng)	Đánh giá hiệu quả đầu tư
Công ty CP Dịch vụ bay và Du lịch Biển Tân Cảng	51%	51.000	Tập trung xây dựng thương hiệu: - Navy Hotel: Quản lý và vận hành hệ thống khách sạn tại Cam Ranh – Nha Trang, Đà Lạt, Đà Nẵng. - Tân Cảng Catering: Cung ứng hậu cần cho các Vùng Hải quân, đối tác cảng biển và đội tàu tại khu vực Cam Ranh, TPHCM, Vũng Tàu.
Công ty CP Hàng hải Tân cảng Miền Bắc	54%	64.022	Công ty liên doanh với đối tác Mitsui, Nhật Bản để phát triển các dịch vụ hàng hải gắn bờ như lai dắt và cứu hộ cứu nạn.
Công ty CP Tân Cảng Kiên Giang	60%	30.000	Đầu tư - Xây dựng - Quản lý cảng dịch vụ dầu khí tại cảng Hòn Chông - Kiên Giang.
Công ty CP Tân Cảng Quế Võ	31%	121.249	Đầu tư hoàn thiện giai đoạn 2 dự án đầu tư xây dựng ICD tại Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
Công ty CP Tân Cảng - Gantry	45%	22.275	Triển khai thiết kế, thi công, lắp ráp, sản xuất và duy tu sửa chữa các thiết bị xếp dỡ.

Bảng: Tình trạng hoạt động của các Công ty con/ Công ty liên kết



Kết quả thực hiện công tác điều hành khác

Định hướng phát triển thị trường và quản lý sản xuất kinh doanh

Tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động SXKD và phát triển thị trường dịch vụ hàng hải ngoài khơi tại các thị trường tiềm năng trong khu vực Myanmar, Malaysia, Thái Lan. Đồng thời, TCO nghiên cứu phát triển các dịch vụ hàng hải mới và mở rộng thị phần tại các thị trường tiềm năng khác.

Nhân sự - Đào tạo

Nhằm duy trì công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh làn sóng dịch bệnh Covid-19 trong năm, TCO chủ động triển khai tuyển dụng và đào tạo từ xa như: Tiến hành tuyển dụng từ xa thuyền viên Thái Lan cho hoạt động các tàu tại khu vực Thái Lan và Myanmar; Tổ chức các chương trình đào tạo và tập huấn từ xa cho đội ngũ thuyền viên đang làm việc trên các tàu dịch vụ của TCO về công tác an toàn, an ninh trong các hoạt động hàng hải trên biển theo các hệ thống quản lý tàu và phương tiện hàng hải tiêu chuẩn quốc tế như SMS và IMCA; Tổ chức Đào tạo chuỗi chương trình đào tạo nội bộ cho CBNV các chuyến đi về Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu thầu, Luật Lao động, Luật Đầu tư và các vấn đề Thuế hiện hành với giáo trình chuyên sâu về hoạt động sản xuất kinh doanh cho ngành hàng hải.

Quản trị rủi ro

Tiếp tục duy trì việc áp dụng các hệ thống quản lý sức khỏe, an toàn, môi trường chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2005 trong toàn hệ thống. Duy trì việc áp dụng các hệ thống quản lý tàu (Ship Management System), hệ thống IMCA và OVID cho các tàu dịch vụ, trang thiết bị, hướng đến tiêu chuẩn an toàn cao nhất cho ngành dầu khí trong nước và quốc tế.

KẾ HOẠCH NĂM 2022

Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022

Trên cơ sở các thông tin về tình hình thị trường, kết quả SXKD năm 2021 và các nhận định, đánh giá cơ hội, khó khăn trong bối cảnh giá dầu tiếp tục diễn biến khó lường, sự suy giảm về khối lượng công việc do các chiến dịch thăm dò, khai thác dầu khí vẫn chưa được triển khai và việc cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các công ty tàu dịch vụ dầu khí, TCO đề ra Phương hướng hành động năm 2022 là "Tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Số hoá và chuyển đổi số quy trình quản lý" với các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022 như sau:

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD công ty mẹ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021 (TH2021)	Kế hoạch 2022 (KH22)	Tỷ lệ (KH22/TH21)
Tổng doanh thu (triệu đồng)	1.157.795	1.180.000	102%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	142.250	150.000	105%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	134.954	140.000	104%
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	0,50	0,45	-

Kế hoạch đầu tư và triển khai dự án

- Tiếp tục nghiên cứu và triển khai chiến lược trẻ hóa đội tàu dịch vụ của Công ty khi có cơ hội, nhằm tăng tính cạnh tranh và giảm thiểu chi phí khai thác. Tập trung thanh lý các tàu dịch vụ cũ, có độ tuổi cao và đầu tư các tàu mới, các vớt trang thiết bị hiện đại, hệ thống định vị động học thế hệ 2 (DP2) và tuổi đời ít hơn 10 năm tuổi.
- Phối hợp cùng với Ban điều hành các công ty trong hệ thống phát triển chuyên sâu từng mảng kinh doanh của từng Công ty. Đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty mới thành lập.
- Nghiên cứu và tìm kiếm cơ hội đầu tư các cơ sở hạ tầng, bến bãi.

Chiến lược phát triển và tầm nhìn 10 năm tiếp theo

- Tập trung đẩy mạnh phát triển dịch vụ hàng hải ngoài khơi tại thị trường quốc tế bằng việc thành lập các công ty liên doanh, các văn phòng đại diện và phối hợp với các đối tác tiềm năng.
- Tìm kiếm các vị trí chiến lược để nghiên cứu, đầu tư các cơ sở hạ tầng, bến bãi.
- Xây dựng cơ chế chính sách, tạo động lực cho sự phát triển cho CBNV trong hệ thống. Tạo sự tương tác, hỗ trợ tài chính, thị trường để các công ty con/ công ty liên kết trong hệ sinh thái của TCO cùng đồng hành phát triển cùng Công ty mẹ.

Các giải pháp

VỀ SỐ HÓA VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUY TRÌNH QUẢN LÝ

- Rà soát và cải tiến các quy trình nội bộ, từ đó tăng cường sự phối hợp giữa các phòng/ ban, gia tăng chất lượng dịch vụ.
- Triển khai ứng dụng phần mềm quản trị trong các quy trình nội bộ của TCO để giảm thiểu thời gian xử lý hồ sơ, thủ tục phê duyệt, giảm giấy tờ hành chính... từ đó giảm chi phí, tăng năng suất lao động và lan toả văn hoá doanh nghiệp dễ dàng hơn.

TÀI CHÍNH

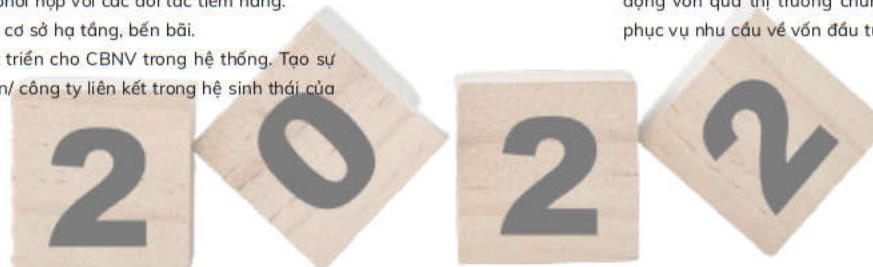
- Kết hợp phương thức quản lý tài chính tập trung và phi tập trung nhằm tập trung sức mạnh tài chính của toàn hệ thống, giảm chi phí nhưng vẫn đảm bảo tính chủ động và kịp thời.
- Tối ưu hóa hệ thống kế toán quản trị, chú trọng công tác xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm theo ngân sách, từ đó hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị, phân tích tài chính.
- Nghiên cứu, đề xuất các phương án huy động vốn qua thị trường chứng khoán phục vụ nhu cầu về vốn đầu tư.

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÀ MỞ RỘNG CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH

- Duy trì các khách hàng truyền thống và đẩy mạnh công tác phát triển thị trường mới tiềm năng trong khu vực.
- Nghiên cứu mua bán và sát nhập các công ty có kinh nghiệm, năng lực, phương tiện trong các hoạt động SXKD phù hợp với định hướng và mục tiêu phát triển lĩnh vực kinh doanh mới của Công ty.

ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

- Xây dựng chiến lược kinh doanh gắn liền với phát triển nguồn nhân lực.
- Tăng cường đào tạo nội bộ thông qua các hình thức đào tạo truyền thống, Đào tạo trực tuyến e-Learning với nội dung chuyên sâu liên quan hoạt động SXKD của TCO.
- Xây dựng, quy hoạch và phát triển đội ngũ quản lý kế thừa.
- Nâng cao năng lực đội ngũ thuyền viên qua công tác đào tạo chuyên để về an ninh, an toàn hàng hải và huấn luyện chuyên sâu trong ngành tàu dịch vụ dầu khí.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2021 tiếp tục là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam do ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19. Trước những khó khăn, thách thức của nền kinh tế, Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban Điều hành đưa ra các chủ trương và định hướng phù hợp giúp cho TCO đạt được những kết quả khả quan, thực hiện các mục tiêu trọng điểm trong hoạt động SXKD đã được ĐHCĐ, HĐQT đã thông qua. Cụ thể một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- ✎ Tiếp tục duy trì các dịch vụ trong nước, không ngừng đẩy mạnh cung cấp dịch vụ offshore ra nước ngoài.
- ✎ Hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
- ✎ Tiếp tục thực hiện chủ trương trẻ hóa đội tàu một cách hiệu quả.

Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT

- Năm 2021, HĐQT không có sự thay đổi về số lượng thành viên HĐQT (03 thành viên), nhưng có sự thay đổi về thành phần nhân sự (01 thành viên). Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của HĐQT.
- HĐQT đã lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT.
- Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công, cụ thể:
 - ✎ Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm quản lý chung, giám sát các vấn đề về tài chính của Công ty đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Chủ trì triệu tập, tổ chức các cuộc họp để phân công nhiệm vụ giữa các thành viên; thông qua các Nghị quyết của HĐQT đúng quy định, đảm bảo kịp thời, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - ✎ Phó Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm giám sát về các hoạt động đầu tư của Công ty, nghiên cứu, tìm kiếm và đề xuất triển khai thực hiện các dự án đầu tư, hợp tác đầu tư mới; theo dõi, giám sát và đưa ra các khuyến nghị với Ban Điều hành liên quan việc triển khai thực hiện các dự án đã được thông qua.
 - ✎ Thành viên HĐQT còn lại kiêm Tổng Giám đốc, có nhiệm vụ tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động SXKD hàng ngày của Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp)

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Năm 2021, HĐQT đã thực hiện tích cực vai trò chức năng quản trị theo đúng cam kết với ĐHCĐ. Công ty tiếp tục giữ vững sự ổn định, đoàn kết, hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật, cụ thể:

- HĐQT thực hiện công tác quản trị đối với hoạt động của Ban điều hành và Giám đốc Công ty thông qua các Nghị quyết, quy chế, quy định đã được HĐQT thông qua và Điều lệ Công ty.
- HĐQT thực hiện giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Ban điều hành và Giám đốc Công ty tại các cuộc họp HĐQT định kỳ/đột xuất, trao đổi trực tiếp/email,... nhằm cập nhật kịp thời tình hình SXKD của Công ty.

HQĐT đánh giá cáo sự nỗ lực của Ban điều hành và Giám đốc Công ty để hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2021 và các nhiệm vụ được giao, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Đến thời điểm hiện nay, TCO đã là một trong những Công ty về offshore hàng đầu tại Việt Nam, đang không ngừng mở rộng ra thị trường quốc tế. Công ty cũng đã tận dụng được thời điểm biến động giá tàu để tiếp tục cơ cấu và trẻ hóa đội tàu.
- Năm 2021, cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng (Mã chứng khoán: TOS) chính thức đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.
- Năm 2021, Ban điều hành đã không ngừng xây dựng, hoàn thiện các quy trình về an toàn, quản lý nội bộ, tăng hiệu quả hoạt động của phương tiện, kiểm soát hiệu quả các chi phí hoạt động, xây dựng các ngân sách, kế hoạch hoạt động cho từng mảng dịch vụ.
- Năm 2021, dưới sự điều hành của Tổng Giám đốc, Công ty đã quản lý và điều hành hệ thống nhân sự ổn định và đã triển khai nhiều chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý và CBNV.



Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022

Bước sang năm 2022, HĐQT đánh giá năm 2022 cũng là một năm còn nhiều thách thức nhưng cũng có những cơ hội phát triển cho Công ty.

Hội đồng quản trị xác định nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của Công ty năm 2022:

- Phối hợp với Ban Điều hành triển khai đầu tư các lĩnh vực mà TCO và hệ thống TCT TCSG có lợi thế như: đầu tư cơ sở hạ tầng, trung tâm logistics, cảng biển.
- Tiếp tục phát triển thị trường dịch vụ offshore trong nước và quốc tế, đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ các hoạt động cứu hộ, cứu nạn.
- Tiếp tục nắm bắt thời để cơ cấu lại đội tàu trong chiến lược trẻ hóa đội tàu của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

Trong năm 2021, Ban kiểm soát (BKS) hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua trong kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021. Các công việc cụ thể Ban kiểm soát đã thực hiện như sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế hoạt động nội bộ của Công ty thông qua nội dung các cuộc họp, các nghị quyết chỉ đạo và phê duyệt Phương án kinh doanh đầu tư của HĐQT, BĐH.
- Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế toán soát xét báo cáo tài chính hàng quý của Công ty.
- Kiểm tra đánh giá hiệu quả sử dụng vốn tại công ty mẹ và các công ty con.
- BKS cử đại diện tham dự các cuộc họp của HĐQT của công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết.
- Thực hiện giám sát hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của công ty mẹ và các công ty trong cùng hệ thống.

- Rà soát các giao dịch liên kết giữa công ty mẹ và các công ty trong hệ thống theo nguyên tắc nhất quán và độc lập.
- Trong kỳ không có thành viên BKS vi phạm quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị

- Công tác quản trị của Hội đồng quản trị trong năm 2021 phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, tuân thủ thực hiện theo Nghị Quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021.
- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 18 cuộc họp trực tiếp và ứng dụng họp trực tuyến thông qua 18 Nghị quyết liên quan một số nội dung triển khai công tác đầu tư, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của đơn vị thông qua báo cáo định kỳ của Ban điều hành.
- HĐQT đã chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Tổng Giám Đốc, Ban kiểm soát công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định.

Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc

- Trong năm 2021, công tác điều hành của Ban Tổng Giám Đốc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và đảm bảo thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ, Ban Tổng Giám Đốc luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.
- Ban Tổng Giám Đốc chủ động đánh giá đầy đủ các thuận lợi, khó khăn, thường xuyên thực hiện công tác quản trị rủi ro để phòng ngừa các thiệt hại và dự báo để đón đầu cơ hội.
- Ban Tổng Giám Đốc bám sát và chỉ đạo công tác triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời, kịp thời giải quyết các khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của các phòng ban chức năng, ngoài ra chủ động mở rộng thị trường (phát triển thị trường ra nước ngoài), tìm kiếm các đối tác tiềm năng và khẳng định, nâng cao thương hiệu Công ty ra các nước trong khu vực.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp)

- Về công tác phòng chống dịch covid-19, Tổng Giám Đốc đã chỉ đạo Ban phòng chống dịch của Công ty, Phòng Hành chính – Nhân sự và Công đoàn phối hợp, xây dựng Phương án phòng chống theo từng cấp độ phù hợp với hướng dẫn của UBND TP.HCM và đảm bảo an toàn cho người lao động, không có trường hợp có diễn biến nặng và tình trạng sức khỏe người lao động ổn định và tham gia sản xuất kinh doanh bình thường.
- Về công tác đầu tư tài sản cố định và góp vốn thành lập các công ty con, công ty liên kết, Tổng Giám Đốc thực hiện đúng nghị quyết của HĐQT đảm bảo hiệu quả và an toàn.
- Về công tác nhân sự, tiền lương: Năm 2021, dịch covid vẫn diễn biến phức tạp tại các địa điểm kinh doanh của Công ty, nhưng công tác thanh toán lương, chế độ theo hợp đồng lao động vẫn được duy trì và chi trả lương kịp thời theo quy định, không có trường hợp cắt giảm lương và trả chậm lương cho người lao động, không có trường hợp người lao động bị kỷ luật lao động.
- Công tác quản lý tài chính: Tổng Giám đốc chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế toán kiểm soát chặt chẽ công tác quản lý công nợ, kiểm soát các điều khoản về thanh toán trong hợp đồng dịch vụ, đẩy mạnh công tác quản lý hiệu quả dòng tiền trong công ty mẹ và các công ty thành viên, vận dụng chính sách lãi suất ưu đãi tại các ngân hàng để cơ cấu chi phí tài chính nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Công tác phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

- Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Tổng công ty.
- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên cũng như tại bộ máy điều hành Công ty để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành.

Công tác thẩm định báo cáo tài chính đã kiểm toán

- Qua kiểm tra phương pháp và cách lập báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C và thông qua việc xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính, Ban kiểm soát nhất trí với ý kiến của Ban điều hành là xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính

phản ánh đầy đủ trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

- Trong năm 2021, Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu, thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo toàn vốn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh: Thực hiện đúng chế độ quản lý vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định; Trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định.
- Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

- Tiếp tục thực hiện các kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt và đảm bảo tuân thủ Quy chế hoạt động của ban kiểm soát.
- Thực hiện kế hoạch kiểm soát sâu hơn các bộ phận phòng ban tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng và các công ty con trong hệ thống.
- Phối hợp với Ban điều hành hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ theo tiêu chuẩn COSO 2013 theo từng giai đoạn.
- Phối hợp Phòng Tài chính – Kế toán nâng cấp phần mềm Bravo tích hợp chức năng giám sát ngân sách hoạt động của các phòng ban và hoàn thiện công tác báo cáo quản trị hiệu quả phù hợp.
- Phòng Hành chính - Nhân sự thiết lập hệ thống quản lý công việc bằng phần mềm, đánh giá các công tác phân công, phân quyền và công tác đánh giá hiệu quả công việc theo từng phòng ban, nhân sự chuyên môn phù hợp với mục tiêu hoạt động của công ty.
- Giám sát việc xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2022 của công ty mẹ và các công ty thành viên.
- Đánh giá hiệu quả tài chính, hiệu quả sử dụng tài sản, tình hình hoạt động của từng dự án.
- Duy trì công tác họp định kỳ hàng quý, cập nhật kiến thức chuyên môn và phối hợp với ban điều hành xây dựng các chốt kiểm soát phù hợp với hoạt động của công ty.
- Thực hiện báo cáo giám sát theo kế hoạch hàng quý gửi HĐQT, Ban điều hành và các bộ phận liên quan.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định cho Ủy ban chứng khoán.
- Một số nhiệm vụ khác nếu xét thấy cần thiết.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

3

- 60 Hội đồng quản trị
- 63 Ban kiểm soát
- 64 Thù lao và các lợi ích khác
- 66 Quản trị rủi ro



Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số lượng CP đại diện/ số hữu	Tỷ lệ đại diện/ số hữu
1	Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch HĐQT	27/02/2021	9.359.817	36,04%
2	Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	20/03/2021	245.000	0,92%
3	Ông Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám Đốc/ Người đại diện theo pháp luật	20/03/2021	1.257.667	4,75%

Cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Số buổi họp HĐQT tham gia	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Văn Hạnh	18/18	100%	Không có
2	Ông Nguyễn Sơn	18/18	100%	Không có
3	Ông Lê Đăng Phúc	18/18	100%	Không có

Bảng: Số lượng các cuộc họp của HĐQT năm 2021

- Năm 2021, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc triệu tập, tổ chức và thông qua các Nghị quyết của HĐQT. Tất cả các cuộc họp đều được Chủ tịch HĐQT triệu tập theo đúng thẩm quyền, chuẩn bị nội dung cụ thể và thông báo đến các thành viên HĐQT. Đồng thời, các nội dung họp HĐQT đều được gửi cho Ban kiểm soát (BKS) để thực hiện chức năng giám sát. Đại diện BKS đều được mời tham dự các phiên họp HĐQT.
- Trong năm 2021, HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần, triệu tập các phiên họp bất thường để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định nếu phát sinh. HĐQT đã thông qua 18 Nghị quyết dưới hình thức tổ chức cuộc họp và lấy ý kiến để giải quyết kịp thời nhu cầu kinh doanh, đầu tư của Công ty và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- HĐQT tập trung vào chủ trương mà ĐHCĐ đã thông qua và giám sát việc triển khai thực hiện các hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư của Công ty; giao chỉ tiêu SXKD hàng quý; kiểm tra, giám sát và đánh giá số liệu Báo cáo tài chính để hỗ trợ, định hướng cho Ban điều hành nhằm đảm bảo Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021 đã được ĐHCĐ thông qua.





Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị thực hiện công tác quản trị và giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua Điều lệ và các Nghị quyết, quy chế, quy định đã được Hội đồng quản trị thông qua, ban hành. Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng đã có những nhận xét, đánh giá và chỉ đạo trực tiếp Ban điều hành về các vấn đề quan trọng trong công tác điều hành và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo tất cả các hoạt động của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 27/4/2021 để thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh cho cả năm 2021 và các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Công ty thực hiện đúng quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát. Do đó, công việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban điều hành thuận lợi, việc giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được duy trì thường xuyên và chặt chẽ.

Ban điều hành đã tích cực, chủ động trong việc điều hành, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh trong năm 2021.

Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức danh	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Phạm Huy Vũ	Trưởng BKS	24/07/2018	Cử nhân kinh tế
2	Bà Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên BKS	26/04/2017	Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
3	Bà Nguyễn Thị Gấm	Thành viên BKS	26/04/2017	Thạc sỹ Luật

Cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Số buổi họp BKS tham gia	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Phạm Huy Vũ	02/02	100%	Không có
2	Bà Nguyễn Thị Bạch Cúc	02/02	100%	Không có
3	Bà Nguyễn Thị Gấm	02/02	100%	Không có

Bảng: Số lượng các cuộc họp của BKS năm 2021

Trong năm tài chính 2021, BKS đã hoạt động tốt với vai trò giám sát và khuyến nghị các thay đổi cần thiết trong công tác điều hành hoạt động của Công ty, tăng cường các biện pháp giám sát, đảm bảo hoạt động tài chính của Công ty rõ ràng và minh bạch. Ban kiểm soát đã tiến hành họp 02 phiên trong năm 2021.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

BKS cử đại diện tham dự các cuộc họp của HĐQT và tổ chức họp BKS định kỳ 06 tháng 01 lần.

Ban kiểm soát đã ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Nghị quyết số 02/2001/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành, đã tổ chức nhiều cuộc họp để kịp thời chỉ đạo định hướng chiến lược hoạt động và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định.

Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác dự báo, xây dựng kế hoạch và giám sát chặt chẽ các dự án đầu tư, hạn chế thấp nhất những rủi ro trong hoạt động kinh doanh; xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường và điều chỉnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư cho phù hợp thực tế tình hình sản xuất của đơn vị, góp phần đem lại hiệu quả nhất định.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành thực hiện nghiêm các quy định về công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các tờ trình của Hội đồng quản trị trong năm 2021.

Thù lao và các lợi ích khác

Thành viên	Chức danh	Tiền lương (đồng)	Thưởng (đồng)	Thù lao (đồng)	Cộng
Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị (từ 27/02/2021)	-	-	297.000.000	297.000.000
Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị (đến 27/02/2021)				
Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	247.500.000	247.500.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên Hội đồng quản trị/ Tổng Giám Đốc	1.071.000.000	514.000.000	198.000.000	1.783.000.000
Phạm Huy Vũ	Trưởng Ban kiểm soát	441.600.000	102.200.000	-	543.800.000
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên Ban kiểm soát	469.200.000	157.775.000	-	626.975.000
Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên Ban kiểm soát	196.813.636	134.800.000	-	331.613.636
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám Đốc	615.000.000	328.025.000	-	943.025.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám Đốc	615.000.000	328.025.000	-	943.025.000
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám Đốc	552.000.000	324.500.000	-	876.500.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	524.400.000	348.925.000	-	873.325.000
TỔNG CỘNG		4.485.013.636	2.238.250.000	742.500.000	7.465.763.636

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban điều hành, nhưng vẫn đảm bảo tính sự độc lập của Ban kiểm soát.

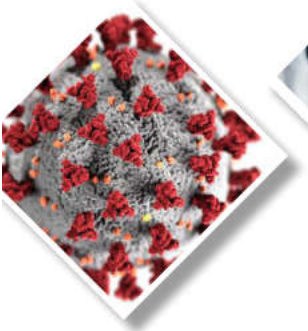
Hội đồng quản trị gửi tài liệu họp và mời BKS tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT; tạo điều kiện và cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của mình cho BKS.

Ban điều hành đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu, giúp công việc giám sát kịp thời, hiệu quả.

Hội đồng quản trị tích cực giám sát hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo thực hiện triển khai đúng theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

Hoạt động của Ban kiểm soát (nếu có): Không có

Quản trị rủi ro



RỦI RO DỊCH BỆNH

Nửa đầu năm 2021, tình hình dịch bệnh COVID-19 đã phần nào được kiểm soát, kinh tế dần hồi phục. Tuy nhiên sự bùng phát dịch bệnh vào quý III/2021, khiến hàng loạt địa phương áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội đã khiến hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình trệ, ảnh hưởng nặng nề đến tình hình kinh tế của địa phương và đất nước Việt Nam. Chính phủ đã chuẩn bị nhiều gói kích thích kinh tế từ trước khi dịch lan rộng, bám sát thị trường, ban hành nhiều gói hỗ trợ dưới các dạng khác nhau. Các gói hỗ trợ phù hợp với bản chất và diễn biến của dịch Covid-19, tuy nhiên, đối với gói hỗ trợ giảm, giãn thuế, việc hỗ trợ còn mang tính cầm chừng, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, thời gian thụ hưởng quá ngắn. Ngoài ra, dịch bệnh cũng ảnh hưởng tới hoạt động thương mại toàn cầu, từ đó cũng ảnh hưởng tới hoạt động của TCO. Do vậy, công ty cần chủ động trong việc phòng chống dịch, vừa để đảm bảo an toàn sức khỏe cho CBNV cũng như đảm bảo hoạt động sản xuất của TCO.



RỦI RO KINH TẾ

Tình hình và triển vọng tăng trưởng kinh tế luôn có tác động lớn đến khả năng sản xuất và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. TCO hoạt động trong lĩnh vực cung ứng tàu dịch vụ dầu khí đa năng cũng sẽ gặp phải những rủi ro nếu tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới có những biến động từ ảnh hưởng kinh tế lên đặc thù riêng của ngành và lên tầm quan trọng của lĩnh vực hàng hải và dầu khí biển.

Kết thúc năm 2021, GDP Việt Nam đạt mức tăng trưởng 2,6%, thấp hơn nhiều so với dự báo của các tổ chức kinh tế lớn trên thế giới. Giãn cách xã hội kéo dài trong quý III/2021 tại các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương đã khiến nền kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tổng sản phẩm trong nước giảm 6,2% so với cùng kỳ - mức

giảm sâu nhất kể từ trước tới nay. So với các nước trong khu vực, Việt Nam vẫn được xem là quốc gia có mức tăng trưởng kinh tế lạc quan nhất. Theo dự báo tháng 10/2021 về tốc độ tăng trưởng GDP 2021 của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Việt Nam được dự báo có mức tăng trưởng cao nhất, khoảng 3,8%; Malaysia (+3,5%), Philippines (+3,2%), Indonesia (+3,2%), Thái Lan (+1,0%).

Tuy vậy vẫn cần chú ý tới rủi ro trong lĩnh vực tài chính trước những bất ổn cả trong và ngoài nước. Công ty vẫn cần phải lưu ý tới tình hình kinh tế vĩ mô, hoạt động của kinh tế trong nước và cả yếu tố tâm lý thị trường. Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và đề ra những giải pháp phòng ngừa rủi ro sẽ giúp doanh nghiệp phát triển một cách bền vững.



Quản trị rủi ro (tiếp)

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Bộ luật Hàng hải và các văn bản luật liên quan khác. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam trong năm 2021 có nhiều sự thay đổi lớn bao gồm sự sửa đổi, bổ sung của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Luật Doanh nghiệp mới đã nâng cao khung pháp lý về quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản trị và hoạt động của các doanh nghiệp. Ngoài ra còn một số thông tư, nghị định hướng dẫn thực hiện những Luật này. Công ty cần chủ động nghiên cứu, tìm hiểu để thực hiện theo đúng những quy định đã được ban hành.

RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng trong nước. Khi lãi suất tăng, TCO cần phải chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã ký kết. Tuy nhiên, rủi ro này đã được Công ty quản lý bằng cách duy trì các khoản vay ở mức hợp lý và phân tích cạnh tranh thị trường để có được lãi suất ưu đãi từ các nguồn vốn vay thích hợp.

Công ty giao dịch với các nhà cung cấp nước ngoài để phục vụ các hoạt động kinh doanh với dòng tiền thu vào và chi ra bằng đô la Mỹ (USD), do đó tỷ giá hối đoái biến động sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của TCO. Tuy nhiên, Công ty quản lý rủi ro ngoại hối bằng cách luôn cập nhật tình hình thị trường và dự kiến lập kế hoạch giao dịch ngoại tệ trong tương lai bằng ngoại tệ.

RỦI RO ĐẶC THÙ

Với đặc thù ngành nghề hoạt động cung cấp dịch vụ nên ít có sự khác biệt giữa các doanh nghiệp trong ngành, tạo ra áp lực cạnh tranh về giá để giành lấy thị phần. Chính điều này đã tạo ra những khó khăn nhất định cho ngành cung cấp dịch vụ cảng biển ở Việt Nam nói chung và TCO nói riêng. Để hạn chế rủi ro, doanh nghiệp thực hiện ký kết các hợp đồng trong khả năng đàm phán, tích cực mở rộng thêm các đối tác đầu ra lớn và tăng giá trị hợp đồng với các đối tác hiện tại vì nhu cầu các đối tác lớn đầu ra hiện tại của doanh nghiệp vẫn còn nhiều tiềm năng để tăng trưởng.

RỦI RO KHÁC

Một số rủi ro bất khả kháng chẳng hạn như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, rủi ro sự cố trong quá trình vận hành,... là những rủi ro có thể gây thiệt hại cho hoạt động và hiệu quả kinh doanh của công ty. Những rủi ro này không thể loại trừ nhưng Công ty hạn chế bằng các biện pháp như nâng cao công tác dự báo để xây dựng chính sách phù hợp, tối ưu; và nâng cao ý thức lao động trong công tác phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động.

CHỨNG KHOÁN TOS

4

- 72 Thông tin cơ bản
- 73 Cổ đông
- 75 Quan hệ cổ đông



Thông tin cơ bản



Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	TOS
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
Ngày bắt đầu niêm yết/ đăng ký giao dịch	08/09/2011
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	26.798.125 cổ phiếu

Danh sách Cổ đông lớn

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)
1	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	9.647.325	36
	Tổng cộng		9.647.325	36

Cổ đông



STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/			
			VDL (%)	Số lượng cổ đông	Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	9.647.325	36	1	1	0
	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI					
2	- Trong nước	11.003.809	41,04	3	1	2
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)					
3	- Trong nước	9.349.200	35,28	1	1	0
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	26.798.125	-	-	-	-
	Trong đó: - Trong nước	26.798.125	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-

Cổ đông (tiếp)

Giao dịch liên quan

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có.

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Không có.

Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác: Không có.

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Quan hệ Cổ đông

Quan hệ nhà đầu tư

Bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư là ưu tiên hàng đầu trong công tác quan hệ nhà đầu tư của TCO. TCO luôn định hướng hoạt động quan hệ cổ đông, nhà đầu tư hướng tới việc tuân thủ các quy định pháp luật, bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông, đảm bảo công bố thông tin minh bạch cho các cổ đông.

Đảm bảo tính minh bạch và đa dạng hóa kênh cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư

TCO luôn nỗ lực đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các kênh cung cấp thông tin. Cổ đông, nhà đầu tư được tiếp cận các thông tin đầy đủ và cập nhật về định hướng chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình quản trị doanh nghiệp,... thông qua các kênh như: trang công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; website; các phương tiện truyền thông đại chúng; các nền tảng truyền thông công nghệ. Bên cạnh đó, Lãnh đạo TCO tích cực tham dự các hội thảo do các quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán lớn, Ủy ban chứng khoán nhà nước tổ chức. Ngoài ra, TCO đã thực hiện việc truyền tải thông tin đến cổ đông và các nhà đầu tư thông qua các sự kiện hoạt động dành cho cổ đông, nhà đầu tư do Công ty tổ chức. Trong năm 2021, bên cạnh cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, TCO đã tổ chức các cuộc hội thảo, gặp gỡ với các quỹ đầu tư, gặp gỡ nhà đầu tư tiềm năng. Các sự kiện đã được các nhà đầu tư và môi giới đánh giá cao về chất lượng thông tin.

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty			Số Giấy NSH ¹ , ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty		Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
		Tên	Tỷ lệ sở hữu	Số			Năm	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	
1	Công ty TNHH MTV Tổng Cảng Sài Gòn	Công ty Tân Cổ đông lớn chiếm 35,28%	0300514849	30/6/2010	Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2021	Cho thuê tài sản; mua bán hàng hoá, dịch vụ,... 200.430.451.617 VND	
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng	Công ty con	0313161911	16/03/2015	Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2021	Cho thuê tài sản; mua bán hàng hoá, dịch vụ,... 55.799.712.898 VND	
3	Công ty Cổ phần Tân cảng Kiên Giang	Công ty con	1702075079	05/01/2017	Sở KHĐT tỉnh Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Năm 2021	Vay 36.494.545.000 VND	
4	Công ty Cổ phần Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc	Công ty con	0314870146	30/01/2018	Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2021	Cho thuê tài sản; mua bán hàng hoá, dịch vụ,... 39.304.132.441 VND	

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2021

5

- 78 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 80 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 82 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 87 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 88 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 91 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 09 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh về việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi tên doanh nghiệp viết tắt, thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 09 ngày ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 722, Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0283 9 143 981 – 0283 9 143 982
- Fax : 0283 8 216 446

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2021
Ông Ngô Trọng Phần	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Đăng Phúc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Huy Vũ	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 04 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Đăng Phúc	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2019
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2017
Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đăng Phúc - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
 - Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
 - Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
 - Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
 - Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.
- Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc


Lê Đăng Phúc
Ngày 26 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 2.0382/22/TC-AC

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 (đơn vị tính: VNĐ)

	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		770,835,480,941	554,715,149,689
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1		226,306,248,566	82,841,204,189
1. Tiền	111			159,906,248,566	67,341,204,189
2. Các khoản tương đương tiền	112			66,400,000,000	15,500,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			483,146,279,532	414,248,970,751
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3		429,668,911,820	392,733,775,027
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4		20,878,649,593	7,969,366,080
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			21,853,950	23,853,950
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a		50,415,376,216	26,059,805,933
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6		(17,838,512,047)	(12,537,830,239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			-	-
IV. Hàng tồn kho	140			50,082,955,984	49,928,504,991
1. Hàng tồn kho	141	V.7		50,082,955,984	49,928,504,991
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			11,299,996,859	7,696,469,758
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a		7,395,354,117	5,191,062,300
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			3,904,642,742	2,505,407,458
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			-	-


	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1,300,393,829,281	1,266,472,858,793
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			22,413,762,552	29,339,021,578
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			14,000,000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b		22,399,762,552	29,339,021,578
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			-	-
II. Tài sản cố định	220			875,085,909,653	957,517,424,697
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9		873,868,471,485	955,476,311,484
Nguyên giá	222			2,348,199,947,091	2,384,719,331,161
Giá trị hao mòn lũy kế	223			(1,474,331,475,606)	(1,429,243,019,677)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10		884,362,329	1,609,620,188
Nguyên giá	225			1,954,941,271	2,741,157,634
Giá trị hao mòn lũy kế	226			(1,070,578,942)	(1,131,537,446)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11		333,075,839	431,493,025
Nguyên giá	228			1,144,215,000	1,097,685,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229			(811,139,161)	(666,191,975)
III. Bất động sản đầu tư	230			-	-
Nguyên giá	231			-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232			-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12		198,552,681,743	53,927,632,800
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			198,552,681,743	53,927,632,800

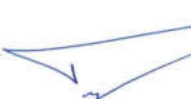
	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	151,205,055,866	168,323,945,455
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		151,205,055,866	168,323,945,455
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		53,136,419,467	57,364,834,263
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	53,136,419,467	57,364,834,263
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,071,229,310,222	1,821,188,008,482


	NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		1,112,516,826,710	973,187,898,543
I.	Nợ ngắn hạn	310		555,135,532,088	467,959,585,140
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	176,800,556,905	142,695,374,892
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	4,667,959,335	34,859,725
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	21,833,267,743	21,020,878,257
4.	Phải trả người lao động	314		20,738,459,400	8,331,333,808
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	64,901,714,474	44,180,246,678
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	901,500,000	2,704,500,000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	20,143,860,933	35,063,587,618
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	229,759,985,763	208,947,492,846
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	15,388,227,535	4,981,311,316
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		557,381,294,622	505,228,313,403
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	901,500,000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	23,700,000	23,700,000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	557,357,594,622	504,303,113,403
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-


NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		958,712,483,512	848,000,109,939
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	958,712,483,512	848,000,109,939
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		267,981,250,000	265,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		267,981,250,000	265,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		247,676,124,253	209,168,303,272
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27,009,146,352	27,631,515,060
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		229,694,825,815	187,738,484,073
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		61,079,703,746	185,922,347,838
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		168,615,122,069	1,816,136,235
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		186,351,137,092	158,461,807,534
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,071,229,310,222	1,821,188,008,482

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu: 
 Đặng Hải Đăng

Kế toán trưởng: 
 Vũ Quang Tiến

Tổng Giám đốc: 
 Đặng Phúc





Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất


cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (đơn vị tính: VNĐ)


CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,536,159,851,778	1,320,738,472,899
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,036,859,371	1,044,835,558
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,535,122,992,407	1,319,693,637,341
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,186,311,486,498	995,511,762,018
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		348,811,505,909	324,181,875,323
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8,504,686,674	3,109,400,308
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	62,060,210,252	72,307,135,635
Trong đó: chi phí lãi vay	23		60,575,562,768	71,675,314,841
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		6,680,685,866	8,572,715,279
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	22,532,144,445	15,310,624,537
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	83,476,787,488	70,146,486,163
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		195,927,736,264	178,099,744,575
12. Thu nhập khác	31	VI.7	45,510,283,570	6,264,401,307
13. Chi phí khác	32	VI.8	5,408,281,072	2,463,588,448
14. Lợi nhuận khác	40		40,102,002,498	3,800,812,859
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		236,029,738,762	181,900,557,434
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	27,435,516,549	19,359,882,510
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	3,203,036,281
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		208,594,222,213	159,337,638,643
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		172,044,874,074	138,260,930,662
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		36,549,348,139	21,076,707,981
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	5,673	4,561
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	5,673	4,561

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu: 
 Đặng Hải Đăng

Kế toán trưởng: 
 Vũ Quang Tiến

Tổng Giám đốc: 
 Đặng Phúc



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (đơn vị tính: VNĐ)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01	236,819,167,909	181,900,557,434
2. Điều chỉnh cho các khoản:		-	-
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9-11	205,311,208,207	224,299,731,252
- Các khoản dự phòng	03 VI.6	5,300,681,808	9,328,551,595
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		-	-
- các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	264,635,360	177,326,178
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(53,793,918,889)	(1,626,123,214)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	60,575,562,768	71,675,314,841
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		-	-
- trước thay đổi vốn lưu động	08	454,477,337,163	485,755,358,086
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(69,872,961,198)	(23,135,536,424)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(154,450,993)	17,039,657,422
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	82,531,335,601	(127,432,949,236)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(696,105,705)	(10,424,203,526)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(59,043,275,883)	(78,018,517,639)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(29,491,229,775)	(11,806,009,618)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.18	(22,156,182,421)	(18,403,076,388)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	355,594,466,789	233,574,722,677

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(359,460,731,473)	(66,544,276,519)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	132,725,375,670	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(47,853,950)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	7,004,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(22,275,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	40,846,428,462	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,316,658,849	1,611,045,406
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(198,847,268,492)	(57,977,085,063)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2,981,250,000	1,732,000,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.19	536,371,616,983	389,438,026,672
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.19	(462,119,345,756)	(483,736,703,502)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35 V.19	(385,297,091)	(395,196,072)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(89,803,160,000)	(82,196,209,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12,954,935,864)	(175,158,081,902)

CHỈ TIÊU	MÃ THUYẾT SỐ MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	143,792,262,433	439,555,712
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	82,841,204,189	82,560,922,564
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(327,218,056)	(159,274,087)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	226,306,248,566	82,841,204,189

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu: Đặng Hải Đăng
 Kế toán trưởng: Vũ Quang Tiến
 Tổng Giám đốc: Đặng Phúc

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con (03 Công ty con trực tiếp, 01 Công ty con gián tiếp) chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp lương thực, thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; cho thuê máy móc thiết bị	51%	51%	51%	51%
Công ty cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, khu phố Kiên Tân, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	60%	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54%	54%	54%	54%
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái (*)	162/24 Đường 42, khu phố 5, phường Bình Trưng Đông, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động bán hàng siêu thị, cung cấp dịch vụ ăn uống	51%	51%	51%	51%

(*) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng.

5b. Danh sách Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	31%	40%	31%	40%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	45%	-	45%	-
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	40D1 Cư xá 307, đường Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	20%	20%	20%	20%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là lĩnh vực cho thuê tài sản, vận tải, dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí... không chịu tác động đáng kể của dịch Covid-19. Nhìn chung, năm 2021 Tập đoàn vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, hoàn thành vượt so với kế hoạch được giao. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 646 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 563 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính là 5 - 6 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát
Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	2.541.650.705	862.301.832
Tiền gửi ngân hàng	157.364.597.861	66.478.902.357
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	66.400.000.000	15.500.000.000
Cộng	226.306.248.566	82.841.204.189

2. Đầu tư vào công ty liên kết

	SỐ CUỐI NĂM		
	GIÁ GỐC	LỢI NHUẬN PHÁT SINH SAU NGÀY ĐẦU TƯ	CỘNG
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ (i)	121.249.370.000	7.104.862.318	128.354.232.318
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry) (ii)	22.275.000.000	575.823.548	22.850.823.548
Cộng	145.524.370.000	5.680.685.866	5.680.685.866

	SỐ ĐẦU NĂM		
	GIÁ GỐC	LỢI NHUẬN PHÁT SINH SAU NGÀY ĐẦU TƯ	CỘNG
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ (i)	156.450.800.000	10.873.145.455	167.323.945.455
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	2.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry) (ii)	-	-	-
Cộng	158.450.800.000	9.873.145.455	168.323.945.455

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	cổ phần	Tỷ lệ	5.046.800	40,00%
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	sở hữu	20,00%	200.000	20,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)	2.025.000	45,00%	-	-

(i) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 1.135.530 cổ phần Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ, giá trị ghi sổ 35.201.430.000 VND (31.000 VND/cổ phần) cho Công ty PSA Vietnam Pte Ltd, Singapore với giá bán 40.966.428.462 VND, chi phí thanh lý 120.000.000 VND, lãi chuyển nhượng 5.644.998.462 VND.

(ii) Trong năm, Công ty đã mua 2.025.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry) từ các cổ đông sáng lập (Công ty TNHH MTV Dịch vụ thương mại Huỳnh Thy và Công ty TNHH L&D Auto) với giá mua 11.000 VND/cổ phần, tổng giá trị nhận chuyển nhượng 22.275.000.000 VND.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUẾ VÕ	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - GIẢI TRÍ SAIGON TODAY	CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG MITSUI (NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - GANTRY)	CỘNG
Giá trị phần sở hữu đầu năm	167.323.945.455	1.000.000.000	-	168.323.945.455
Giá trị đầu tư/thanh lý trong năm	(37.878.066.433)	-	22.275.000.000	(15.603.066.433)
Lãi/lỗ trong năm	7.894.291.465	(1.000.000.000)	575.823.548	7.470.115.013
Công ty liên kết chia cổ tức trong năm	(8.196.509.022)	-	-	(8.196.509.022)
Công ty liên kết trích quỹ	(2.676.636.433)	-	-	(2.676.636.433)
Giá trị phần sở hữu cuối năm	128.354.232.318	-	22.850.823.548	151.205.055.866

Giao dịch với các công ty liên kết

Giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ		
Công ty liên kết chia cổ tức	8.196.509.022	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)		
Doanh thu phí vận chuyển	1.400.000.000	-
Doanh thu cho thuê phương tiện	12.557.500.000	-

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải thu các bên liên quan	162.195.182.483	106.082.629.877
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	139.898.689.943	81.347.095.815
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	1.300.000	42.175.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)	1.756.000	-
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	2.047.800.000	312.100.000
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	16.698.000.000	16.500.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	-	821.463.500
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	-	488.074.760
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	15.000.000	26.029.000
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	3.532.636.540	6.545.691.802

SỐ CUỐI NĂM SỐ ĐẦU NĂM

Phải thu các khách hàng khác	267.473.729.337	286.651.145.150
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	53.242.391.104	39.832.688.394
Aussie Offshore Services Limited	29.300.259.651	-
Jungwon Maritime Pte. Ltd	20.967.616.708	21.333.438.645
Zhoushan Hongjie Ocean Engineering Co., Ltd,	-	28.963.169.430
Các khách hàng khác	163.963.461.874	196.521.848.681
Cộng	429.668.911.820	392.733.775.027

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

SỐ CUỐI NĂM SỐ ĐẦU NĂM

Trả trước cho người bán khác	20.878.649.593	7.969.366.080
Haridass Ho & Partners	11.647.725.000	-
Công ty TNHH MTV Cao su 75	2.138.400.000	-
Tổng Công ty Ba Sơn - Công ty TNHH MTV	-	3.967.181.680
Các nhà cung cấp khác	7.092.524.593	4.002.184.400
Cộng	20.878.649.593	7.969.366.080

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

SỐ CUỐI NĂM SỐ ĐẦU NĂM

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ TRỊ	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ	DỰ PHÒNG
Phải thu các bên liên quan	20.857.998.531	-	18.568.228.367	-
Ông Nguyễn Quốc Dũng (i)	240.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	20.617.998.531	-	18.568.228.367	-
Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh thu hồi dần hàng năm (ii)	19.412.691.892	-	17.877.602.312	-
Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh	1.205.306.639	-	690.626.055	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	29.557.377.685	-	7.491.577.566	-

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ TRỊ	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ	DỰ PHÒNG
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	29.557.377.685	-	7.491.577.566	-
Tiền giảm giá thuê canteen	-	-	200.454.545	-
Tài sản thiếu xử lý	-	-	127.518.764	-
Dự thu lãi tiền gửi	56.937.983	-	15.077.808	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – kỳ quỹ mở L/C	19.383.061.236	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	2.574.944.900	-	1.331.836.268	-
Tạm ứng	5.511.357.509	-	3.617.194.108	-
Phải thu tiền hỗ trợ nhân viên	-	-	180.500.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.031.076.057	-	2.018.996.073	-
Cộng	50.415.376.216	-	26.059.805.933	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ TRỊ	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ	DỰ PHÒNG
Phải thu các bên liên quan	14.437.689.052	-	20.848.453.078	-
Ông Nguyễn Quốc Dũng (i)	240.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng – Tiền góp vốn Hợp tác kinh doanh(ii)	14.197.689.052	-	20.848.453.078	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	7.962.073.500	-	8.490.568.500	-
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	7.962.073.500	-	8.490.568.500	-
Cộng	22.399.762.552	-	29.339.021.578	-

(i) Khoản cho Ông Dũng - Phó Tổng Giám đốc vay tiền mua tài sản theo Hợp đồng số 001/2021/HĐVT-TCO ngày 26/11/2021, số tiền 480.000.000 VND, lãi suất 0%, mỗi tháng thu hồi 20.000.000 VND bằng cách trừ vào lương, thời hạn thu hồi đến hết ngày 25/11/2023.

(ii) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/IDH-KHKD ngày 18 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con của Tập đoàn), Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng và Công ty Cổ phần Tân Cảng Sóng Thần để thực hiện đầu tư xây dựng và khai thác Kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Thời gian hợp tác là 49 năm kể từ ngày Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn bàn giao cơ sở hạ tầng. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 146.298.243.128 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng là 50% tương đương 73.149.121.564 VND. Vốn góp được thu hồi dần hàng năm, thông qua khấu hao tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

6. Nợ xấu

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM			
	GIÁ TRỊ	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ	DỰ PHÒNG		
Công ty TNHH MTV Linh Ngọc Ngân	> 3 năm	6.418.557.288	(5.627.143.844)	> 3 năm	4.381.490.718	(4.381.490.718)
				Từ 2 - < 3 năm	2.037.066.570	(1.425.946.599)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Thuận Hải	Từ 2 - < 3 năm	700.000.000	(490.000.000)	Từ 1 - < 2 năm	700.000.000	(350.000.000)
Jungwon Maritime Pte. Ltd	Từ 1 - < 2 năm	21.267.976.405	(10.633.988.203)	Từ 6 T - < 1 năm	21.267.976.405	(6.380.392.922)
Công ty TNHH Vận tải Xăng dầu Nam Phát Đạt	Từ 2 - < 3 năm	1.553.400.000	(1.087.380.000)	-	-	-
Cộng		29.939.933.693	(17.838.512.047)		28.386.533.693	(12.537.830.239)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	12.537.830.239	3.209.278.644
Trích lập dự phòng bổ sung	5.300.681.808	9.328.551.595
Số cuối năm	17.838.512.047	12.537.830.239

7. Hàng tồn kho

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Nguyên liệu, vật liệu	2.079.784.511	2.129.530.167
Công cụ dụng cụ	6.709.621	34.651.649
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	43.829.548.187	46.304.308.764
Thành phẩm	30.524.524	2.384.698
Hàng hóa	4.136.389.141	1.457.629.713
Cộng	50.082.955.984	49.928.504.991

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí bảo hiểm	5.835.556.540	3.727.192.013
Chi phí sửa chữa tài sản	556.669.380	158.625.157
Chi phí công cụ dụng cụ	498.504.782	387.811.560
Chi phí khác	504.623.415	917.433.570
Cộng	7.395.354.117	5.191.062.300

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.499.467.504	3.499.467.504
Chi phí sửa chữa, bồi dưỡng tàu và tài sản khác	36.612.990.181	35.088.839.965
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	10.194.523.391	10.710.173.572
Chi phí thuê thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu	195.539.861	1.145.436.667
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.633.898.530	2.227.417.496
Cộng	53.136.419.467	57.364.834.263

9. Tài sản cố định hữu hình

	NHA CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TÀI SẢN CỎ ĐÌNH KHÁC	CỘNG
Nguyên giá	442.962.381.799	1.138.863.926.459	790.535.172.988	11.159.629.660	1.198.220.255	2.384.719.331.161
Số đầu năm	94.286.000	-	210.461.764.907	-	30.000.000	210.586.050.907
Mua trong năm	-	-	786.216.363	-	-	786.216.363
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	(247.891.651.340)	-	-	(247.891.651.340)
Thanh lý, nhượng bán	443.056.667.799	1.138.863.926.459	753.891.502.918	11.159.629.660	1.228.220.255	2.348.199.947.091
Số cuối năm	93.800.000	265.725.984.289	9.252.252.436	10.387.961.559	59.590.909	285.519.589.193
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn	378.500.116.870	706.358.432.314	332.707.446.941	10.695.321.590	981.701.962	1.429.243.019.677
Số đầu năm	22.243.835.307	97.190.186.270	84.945.233.334	187.130.602	197.403.146	204.763.788.659
Khấu hao trong năm	-	-	463.430.866	-	-	463.430.866
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	(160.138.763.596)	-	-	(160.138.763.596)
Thanh lý, nhượng bán	400.743.952.177	803.548.618.584	257.977.347.545	10.882.452.192	1.179.105.108	1.474.331.475.606
Số cuối năm	64.462.264.929	432.505.494.145	457.827.726.047	464.308.070	216.516.293	955.476.311.484
Giá trị còn lại	42.312.715.622	335.315.307.875	495.914.155.373	277.177.468	49.115.147	873.868.471.485
Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	-	-	-
Trong đó:						
Tam thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải truyền dẫn

	NGUYÊN GIÁ	HAO MÒN LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
Số đầu năm	2.741.157.634	(1.131.537.446)	1.609.620.188
Khấu hao trong năm	-	(402.472.362)	(402.472.362)
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(786.216.363)	463.430.866	(322.785.497)
Số cuối năm	1.954.941.271	(1.070.578.942)	884.362.329
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm chương trình máy tính.

	NGUYÊN GIÁ	HAO MÒN LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
Số đầu năm	1.097.685.000	(666.191.975)	431.493.025
Khấu hao trong năm	46.530.000	-	46.530.000
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(144.947.186)	(144.947.186)
Số cuối năm	1.144.215.000	(811.139.161)	333.075.839
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	SỐ ĐẦU NĂM	CHI PHÍ PHÁT SINH TRONG NĂM	KẾT CHUYỂN VÀO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
Mua sắm tài sản cố định	47.229.484.657	356.043.846.213	(211.418.797.270)	191.854.533.600
Mua sắm tàu Tân Cảng Eagle	-	62.495.588.471	(62.495.588.471)	-
Mua sắm tàu Tân Cảng Dolphin	-	95.153.966.129	(95.153.966.129)	-
Mua sắm tàu Nha Trang	-	161.871.113.600	-	161.871.113.600
Mua sắm tàu lai dắt Tân Cảng 99	-	29.983.420.000	-	29.983.420.000
Mua sắm tàu Tân Cảng Vigour	47.229.484.657	5.682.341.650	(52.911.826.307)	-
Mua sắm tài sản cố định khác	-	70.000.000	(70.000.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	6.698.148.143	-	-	6.698.148.143
Dự án 52 – 58 Trần Phú	542.740.734	-	-	542.740.734
Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng	3.013.636.364	-	-	3.013.636.364
Dự án khác	3.141.771.045	-	-	3.141.771.045
Cộng	53.927.632.800	355.256.429.850	(210.631.380.907)	198.552.681.743

Tài sản cố giá trị theo sổ sách là 161.871.113.600 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng.

(*) Các công trình xây dựng cơ bản dở dang trong năm không thực hiện thêm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, sẽ được tiếp tục khi tình hình khả quan hơn.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả các bên liên quan	26.248.628.855	12.401.361.989
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.141.748.798	818.815.478
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.348.368.540	2.695.624.433
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	9.141.000.000	4.851.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	5.536.063.030	-
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa	6.966.639.220	3.943.571.340
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	114.809.267	90.131.378
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	-	2.219.360
Phải trả các nhà cung cấp khác	155.212.848.130	130.294.012.903
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	21.268.814.298	7.217.756.244
Các nhà cung cấp khác	111.152.082.779	87.103.926.740
Cộng	133.944.033.832	123.076.256.659

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Trả trước của bên liên quan	599.650.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	599.650.000	-
Trả trước của các khách hàng khác	4.068.309.335	34.859.725
Nanjing Tianchen Shipping Engineering Co., Ltd.,	1.869.450.000	-
Glory Future Shipping Co., Ltd	183.270.800	-
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Sơn Hà	1.925.000.000	-
Các khách hàng khác	90.588.535	34.859.725
Cộng	4.667.959.335	34.859.725

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ PHẢI NỘP TRONG NĂM	SỐ ĐÃ THỰC NỘP TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.569.522.588	27.329.321.062	(24.229.125.150)	4.669.718.500
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	26.478.288.883	(26.478.288.883)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.130.520.080	(1.130.520.080)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.422.827.717	26.784.380.095	(29.491.229.775)	15.715.978.037
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ bên liên doanh	-	651.136.454	(651.136.454)	-
Thuế thu nhập cá nhân	484.673.575	8.455.498.306	(7.714.215.329)	1.225.956.552
Thuế môi trường	-	497.146.000	(497.146.000)	-
Thuế nhà thầu	543.854.377	991.362.566	(1.330.640.660)	204.576.283
Tiền thuê đất	-	16.308.054	(16.308.054)	-
Thuế môn bài	-	21.000.000	(21.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	56.801.675	(39.763.304)	17.038.371
Cộng	21.020.878.257	92.411.763.175	(91.599.373.689)	21.833.267.743

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ cung cấp quốc tế 0%
- Hàng hóa nông sản sơ chế hoặc chưa qua chế biến khi bán cho các đơn vị Quân đội, khách hàng lẻ 5%
- Hàng hóa, dịch vụ còn lại 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty mẹ phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026) đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2028.

Các Công ty con trong Tập đoàn phải nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả các bên liên quan	8.940.632.000	8.940.632.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thuê đất	8.940.632.000	8.940.632.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	55.961.082.474	35.239.614.678
Lãi vay phải trả	20.180.032.608	18.647.745.723
Chi phí thuê tàu phải trả	10.080.415.630	10.268.037.074
Chi phí nhiên liệu phải trả	12.109.176.401	852.327.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.831.268.436	637.703.140
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.760.189.399	4.833.801.613
Cộng	64.901.714.474	44.180.246.678

17. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản của khách hàng Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả các bên liên quan	284.471.601	24.452.212.714
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	284.471.601	21.654.608.072
- Khoản BHXH và khoản thu hộ phải trả	284.471.601	151.448.072
- Cổ tức phải trả	-	21.503.160.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	2.659.604.642
Ông Lê Đăng Phúc - Cổ tức phải trả	-	105.000.000
Ông Phạm Huy Vũ - Cổ tức phải trả	-	16.500.000
Bà Nguyễn Thị Gấm - Cổ tức phải trả	-	16.500.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	19.339.943.637	10.611.374.904
Tài sản thừa chờ giải quyết	33.475.000	87.587.588
Kinh phí công đoàn	519.848.221	291.416.895
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.061.911	312.758.593

SỐ CUỐI NĂM**SỐ ĐẦU NĂM**

Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart Đà Nẵng (i)	1.769.618.000	1.772.480.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.794.200.000	5.565.699.000
Các khoản chi hộ phải trả	934.473.257	1.520.209.305
Thuế GTGT đầu ra chưa kê khai	10.572.544.019	500.195
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.233.168.924	1.198.723.328
Cộng	20.143.860.933	35.063.587.618

Khoản góp vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1807/TCOTS-VNTM ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart (VNTM) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con) để thực hiện dự án quản lý, khai thác nhà khách Ngoại vụ kết hợp An điều dưỡng Vùng 3 Hải Quân tại Đà Nẵng. Theo Biên bản thanh lý thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 31/12/2019, Công ty con mua lại phần vốn góp của VNTM bằng số tiền VNTM đã thực góp. Thời hạn thanh toán lần 01 số tiền 1.162.570.000 VND trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký biên bản thanh lý, phần còn lại sẽ được thanh toán bằng hình thức khấu trừ dần trên doanh thu VNTM sử dụng tại khách sạn Navy Đà Nẵng và Bãi Cát Vàng (nếu có). Trong trường hợp Công ty con không còn quyền khai thác khách sạn Navy Đà Nẵng, số tiền còn lại sẽ được chuyển cho VNTM một lần.

18b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ thuê tài chính**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vay ngắn hạn Ngân hàng	131.030.332.656	126.936.301.614
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	45.392.697.081	30.631.735.400
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú	51.546.252.749	36.025.417.685
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (iii)	34.091.382.826	60.279.148.529
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	98.428.501.123	81.625.894.140
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú	17.363.646.935	30.945.894.140
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - CN Vũng Tàu	8.905.400.000	15.400.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	36.879.454.188	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	35.280.000.000	35.280.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	35.280.000.000	35.280.000.000
Cộng	229.759.985.763	208.947.492.846

Thông tin bổ sung về các khoản vay ngắn hạn:

NGÂN HÀNG/J HỢP ĐỒNG VAY	MỤC ĐÍCH VAY/HẠN MỨC	THỜI HẠN	LÃI SUẤT	TÀI SẢN ĐẢM BẢO
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng ngày 16/11/2020	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 50.000.000.000 VND	12 tháng	4,9% đến 6%/năm	Cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB với tổng giá trị 3.500.000.000 VND/ Thẻ chấp hai Cầu RTG 6+1/ Các khoản thu nhập từ hợp đồng với Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu dịch vụ Dầu khí
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú				
Hợp đồng tín dụng số 54486.19.151.1131175.TD 12/12/2019	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,8% đến 8,7%/năm	03 cầu bờ container hiệu Kocks, Tàu Tan Cang 66, Tàu TC Royal
Hợp đồng tín dụng ngày 09/11/2021	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,8% đến 8,7%/năm	03 cầu bờ container hiệu Kocks, Tàu Tan Cang 66, Tàu TC Royal
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa				
Hợp đồng tín dụng số 01/2020/12827294/Hành, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,4% đến 6,5%/năm	02 cầu bờ Container hiệu Kocks
Hợp đồng tín dụng ngày 31/12/2021	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,4% đến 6,5%/năm	02 cầu bờ Container hiệu Kocks

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ TIỀN VAY PHÁT SINH TRONG NĂM	KẾT CHUYỂN TỪ VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	SỐ TIỀN VAY ĐÃ TRẢ TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
Vay ngắn hạn ngân hàng	126.936.301.614	272.092.837.655	-	(267.998.806.613)	131.030.332.656
Vay dài hạn đến hạn trả	81.625.894.140	-	102.595.141.123	(85.792.534.140)	98.428.501.123
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	385.297.092	-	301.151.983	(385.297.091)	301.151.984
Cộng	208.947.492.846	272.092.837.655	102.896.293.106	(354.176.637.844)	229.759.985.763

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vay dài hạn các cá nhân là bên liên quan khác	81.000.000.000	81.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	379.972.594.642	272.237.536.440
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú	29.934.129.502	77.073.536.437
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	168.935.565.140	-
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Vũng Tàu	31.168.900.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	149.934.000.000	195.164.000.003
Vay dài hạn các tổ chức khác và cá nhân khác	96.100.000.000	150.479.425.000
Nợ thuê tài chính	284.999.980	586.151.963
Cộng	557.357.594.622	504.303.113.403

Trong đó:

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vay dài hạn các tổ chức (i)	379.972.594.642	296.037.536.440
Vay dài hạn các cá nhân (ii)	177.100.000.000	207.679.425.000
Nợ thuê tài chính (i)	284.999.980	586.151.963
Cộng	557.357.594.622	504.303.113.403

(i) Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn:

HỢP ĐỒNG VAY	MỤC ĐÍCH VAY/HẠN MỨC	THỜI HẠN	LÃI SUẤT	TÀI SẢN ĐẢM BẢO
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú				
Hợp đồng tín dụng ngày 28/11/2017	Đầu tư tàu Olympic Progress/ Hạn mức vay tương đương 1.400.000 USD	05 năm	8,1% đến 9,6%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2019	Đầu tư tàu Armada Tuah 304/ Hạn mức vay tương đương 3.200.000 USD	05 năm	8,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Các hợp đồng vay ký kết trong các năm 2016 và 2020	Đầu tư xây dựng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần; thanh toán tiền mua thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu khu vực Cảng và Phao xuất dầu không bền; đầu tư 1 tàu đa năng Pacific Vigour, số hiệu IMO 9443530	05 năm đến 10 năm	7% đến 9%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam				
Hợp đồng ngày 26/4/2021	Đầu tư tàu TC Dolphin	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số ngày 8/11/2021	Đầu tư tàu nạo vét xén thổi 650	07 năm	7,29%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng ngày 14 tháng 7 năm 2021	Tài trợ khoản vay vốn đầu tư trung hạn không tuàn hoàn tại Ngân hàng TMCP Quân đội	54 tháng	7,0%/năm	Tàu TC Vigour, số hiệu IMO 9443530
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Vũng Tàu				
Hợp đồng số ngày 04/5/2021	Đầu tư mua tàu TC Eagle	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa				
Hợp đồng ngày 12/6/2018	Đầu tư 02 cầu gàn Mitsui - Paceco Portainer/ Hạn mức vay: 317.514.000.000 VND	106 tháng	8,1%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

HỢP ĐỒNG VAY	MỤC ĐÍCH VAY/HẠN MỨC	THỜI HẠN	LÃI SUẤT	TÀI SẢN ĐẢM BẢO
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Cảng biển Việt Nam				
Hợp đồng vay số 01/2016/HTKD/SNP-TCOTS ngày 07/12/2016	Đầu tư dự án "Hàng không chung"	Theo thời gian đầu tư dự án, nhưng không dưới 01 năm	9%/năm	Không có tài sản đảm bảo.
Hợp đồng vay số 01/2020/TCOTS/MISE-CO ngày 16/11/2020	Đầu tư tàu Tán Cảng Pacific Vigour	02 năm	11,4%	Không có tài sản đảm bảo.
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh				
Các hợp đồng ký kết năm 2018	Đầu tư các phương tiện vận tải (xe ô tô)	03 đến 04 năm	9,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 85.19.01/CTTC ngày 02/2019	ngày 02 chiếc xe ô tô tải KIA nhãn hiệu Thaco Frontier K200-ĐL	72 tháng	9,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn cá nhân:

Khoản vay dài hạn các cá nhân để tăng cường vốn cho hoạt động offshore (thời hạn vay 05 năm, tự động gia hạn), đầu tư mua tàu TC89, đầu tư thiết bị ROV, đầu tư vào dự án Cầu Kocks và đầu tư mua tàu TC Fortune (thời hạn vay theo thời gian hoạt động của dự án, lần lượt là 10 năm, 7 năm, 8 năm và 10 năm). Chi tiết như sau:

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Đầu tư tàu TC 89, đầu tư tàu TC Fortune và Phục vụ hoạt động offshore (lãi suất 9,0%/năm)	145.300.000.000	172.420.000.000
Bên liên quan	80.000.000.000	80.000.000.000
Các cá nhân khác	65.300.000.000	92.420.000.000
Đầu tư thiết bị ROV ATOM và cầu Kocks (lãi suất 25,0%/năm)	31.800.000.000	31.800.000.000
Bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000
Cán bộ nhân viên Công ty	200.000.000	200.000.000
Các cá nhân khác	30.600.000.000	30.600.000.000
Đầu tư tàu TC 69 (lãi suất 18%/năm)	-	3.459.425.000
Các cá nhân khác	-	3.459.425.000
Cộng	177.100.000.000	204.220.000.000

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	TỔNG NỢ	TỪ 1 NĂM TRỞ XUỐNG	TRÊN 1 NĂM ĐẾN 5 NĂM	TRÊN 5 NĂM
Số cuối năm				
Vay dài hạn bên liên quan	81.000.000.000	-	81.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	478.401.095.765	98.428.501.123	336.601.126.254	43.371.468.388
Vay dài hạn tổ chức và các cá nhân khác	96.100.000.000	-	96.100.000.000	-
Nợ thuê tài chính	586.151.963	301.151.983	284.999.980	-
Cộng	656.087.247.728	98.729.653.106	513.986.126.234	43.371.468.388
Số đầu năm				
Vay dài hạn bên liên quan	81.000.000.000	-	81.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	272.237.536.440	264.278.779.328	226.188.691.338	46.048.845.102
Vay dài hạn tổ chức và các cá nhân khác	150.479.425.000	-	150.479.425.000	-
Nợ thuê tài chính	586.151.963	-	586.151.963	-
Cộng	504.303.113.403	264.278.779.328	458.254.268.301	46.048.845.102

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

SỐ ĐẦU NĂM	SỐ TIỀN VAY PHÁT SINH TRONG NĂM	SỐ TIỀN VAY ĐÃ HẠN TRẢ TRONG NĂM	KẾT CHUYỂN SANG VAY DÀI HẠN ĐẾN HẠN TRẢ	SỐ CUỐI NĂM	
					SỐ ĐẦU NĂM
Vay dài hạn ngân hàng	81.000.000.000	-	-	81.000.000.000	
Vay dài hạn các tổ chức khác	272.237.536.440	264.278.779.328	(53.948.580.003)	(102.595.141.123)	379.972.594.642
Vay dài hạn các cá nhân	150.479.425.000	-	(54.379.425.000)	-	96.100.000.000
Nợ thuê tài chính	586.151.963	-	(301.151.983)	-	284.999.980
Cộng	504.303.113.403	264.278.779.328	(108.328.005.003)	(102.896.293.106)	557.357.594.622

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

SỐ ĐẦU NĂM	TĂNG DO TRÍCH LẬP TỪ LỢI NHUẬN	ĐIỀU CHUYỂN QUỸ	CHI QUỸ	SỐ CUỐI NĂM	
					SỐ ĐẦU NĂM
Vay dài hạn ngân hàng	trong năm	Số cuối năm	-	-	81.000.000.000
Quỹ khen thưởng	500.714.016	13.301.970.784	745.705.000	(12.629.647.601)	1.918.742.199
Quỹ phúc lợi	2.154.889.189	14.351.901.983	(745.705.000)	(5.990.811.140)	9.770.275.032
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.325.708.111	4.229.400.667	-	(2.855.898.474)	3.699.210.304
Cộng	4.981.311.316	31.883.273.434	-	(21.476.357.215)	15.388.227.535

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU		LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI		QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU		LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT	
	CHỦ SỞ HỮU	PHÁT TRIỂN	QUỸ ĐẦU TƯ	THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU	ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT	CỘNG	
Số đầu năm trước	265.000.000.000	172.424.805.950	164.864.029.291	27.643.218.416	148.940.644.910	1.732.000.000	778.872.698.567	
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	
Phân phối lợi nhuận tại Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ	-	-	(507.227.902)	-	-	-	(507.227.902)	
Lợi nhuận trong năm trước	-	138.260.930.662	-	138.260.930.662	-	21.076.707.981	159.337.638.643	
Công ty mẹ trích quỹ	-	35.772.134.421	(51.869.594.911)	(51.869.594.911)	-	-	(16.097.460.490)	
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(60.950.000.000)	-	(12.258.384.000)	-	(73.208.384.000)	
Công ty con trích quỹ	-	971.362.901	(1.794.735.763)	(11.703.356)	(774.632.966)	-	(1.609.709.184)	
Thù lao Ban điều hành Công ty con	-	-	(264.917.304)	-	(254.528.391)	-	(519.445.695)	
Số dư cuối năm nay	265.000.000.000	209.168.303.272	187.738.484.073	27.631.515.060	158.461.807.534	1.732.000.000	848.000.109.939	
Số dư đầu năm nay	265.000.000.000	209.168.303.272	187.738.484.073	27.631.515.060	158.461.807.534	1.732.000.000	848.000.109.939	
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	2.981.250.000	-	-	-	-	-	2.981.250.000	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	172.044.874.074	-	36.549.348.139	-	208.594.222.213	
Công ty mẹ trích quỹ	-	36.252.005.720	(66.060.784.939)	-	-	-	(29.808.779.219)	
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(60.950.000.000)	-	(7.350.000.000)	-	(68.300.000.000)	
Công ty con trích quỹ	-	1.567.581.414	(2.868.736.538)	65.865.139	(1.109.204.230)	-	(2.344.494.215)	
Điều chuyển quỹ khác tại Công ty con	-	688.233.847	-	(688.233.847)	-	-	-	
Thù lao Ban điều hành Công ty con	-	-	(209.010.855)	-	(200.814.351)	-	(409.825.206)	
Số dư cuối năm nay	267.981.250.000	247.676.124.253	229.694.825.815	27.009.146.352	186.351.137.092	1.732.000.000	958.712.483.512	

(*) Phát hành 298.125 cổ phiếu theo hình thức chào bán riêng lẻ cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn để bổ sung để mua nhiên liệu dầu DO 0.05% S-II cho các tàu.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	96.473.250.000	93.492.000.000
Các cổ đông khác	171.508.000.000	171.508.000.000
Cộng	267.981.250.000	265.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang ký phát hành	26.798.125	26.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	26.798.125	26.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.798.125	26.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

21d. Phân phối lợi nhuận

– Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021:

Phân phối lợi nhuận năm 2020	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông:	60.950.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST):	36.252.005.720
• Trích quỹ khen thưởng (5% LNST):	6.042.000.953
• Trích quỹ phúc lợi (5% LNST):	6.042.000.953
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (2% LNST):	2.416.800.381
• Trích kinh phí HĐQT, BKS (1% LNST):	1.812.600.286

Tạm phân phối lợi nhuận năm 2021	VND
• Trích quỹ khen thưởng (5% LNST)	6.747.688.323
• Trích quỹ phúc lợi (5% LNST)	6.747.688.323

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/BBH-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 như sau:

Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	VND
• Trích Quỹ đầu tư phát triển (15% LNST) :	3.073.689.048
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST) :	1.024.563.016
• Trích kinh phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát :	409.825.206

Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/BBH-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 như sau:

Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	VND
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST) :	1.029.931.199
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (2% LNST)	411.972.48

21e. Kế hoạch tăng vốn

Thực hiện Tờ trình số 05B/2021/TTr ngày 6/4/2021 đã được phê duyệt theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐQT ngày 03/12/2021 và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 24/01/2021 về triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 15,679735% (cổ đông sở hữu 100 cổ phần được nhận 15,679735 cổ phần mới). Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 4.201.875 cổ phiếu với tổng giá trị 42.018.750.000 VND. Vốn điều lệ dự kiến tối đa sau khi phát hành là 310.000.000.000 VND. Thời gian dự kiến phát hành là quý I/2022, sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Dollar Mỹ (USD)	3.872.052,25	774.705,66
Euro (EUR)	50,00	50,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	328.552.989.389	582.128.082.279
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	220.546.626.132	334.847.283.581
Doanh thu bán tàu, sà lan	895.705.534.517	49.560.407.273
Doanh thu bán hàng hóa	55.958.000.000	195.781.402.760
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	12.811.200.665	12.354.583.644
Doanh thu dịch vụ khác	22.585.501.075	146.066.713.362
Cộng	1.536.159.851.778	1.320.738.472.899

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Phí cho dịch vụ cho thuê tài sản tại Cảng	311.197.911.682	227.644.718.039
Phí dịch vụ khác	10.352.061.853	49.866.308.748
Bán hàng hóa	10.371.143.321	

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu cung cấp dịch vụ, cho thuê tài sản cho các đơn vị:		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	9.218.500.000	746.785.000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	-	706.431.600
Công ty TNHH MTV 128	-	3.816.722.727
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Petro Cam Ranh	1.577.909.091	283.727.273
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	60.384.200.682	60.000.000.000
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	-	70.539.913.720

2. Giá vốn hàng bán

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn cung cấp dịch vụ ngoài khơi	791.836.552.674	509.168.102.656
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	141.473.968.875	163.244.287.575
Giá vốn bán tàu, sà lan	53.680.181.957	34.923.633.133
Giá vốn bán hàng hóa	178.610.567.022	184.355.937.640
Giá vốn từ hợp tác kinh doanh	7.957.478.115	8.022.996.142
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	12.752.737.855	95.796.804.872
Cộng	1.186.311.486.498	995.511.762.018

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi tiền gửi không kỳ hạn và tương đương tiền	1.178.722.401	1.685.375.144
Lãi chuyển nhượng cổ phần tại công ty liên kết	2.968.362.029	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.351.672.091	1.256.831.343
Chiết khấu thanh toán	5.930.153	116.342.869
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	50.850.952
Cộng	8.504.686.674	3.109.400.308

4. Chi phí tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí lãi vay	60.575.562.768	71.675.314.841
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.220.012.124	454.494.616
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	264.635.360	177.326.178
Cộng	62.060.210.252	72.307.135.635

5. Chi phí bán hàng

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí cho nhân viên	9.448.856.353	8.716.105.378
Chi phí vật liệu, bao bì	145.019.268	123.798.145
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	981.648.768	311.052.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.495.968	-
Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa	7.994.999	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.845.811.192	4.861.122.335
Chi phí cho nhân viên	2.098.317.897	1.298.546.509
Cộng	22.532.144.445	15.310.624.537

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nhân viên quản lý	46.590.149.552	35.990.968.927
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	714.892.601	753.515.962
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.355.476.924	1.368.846.608
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.571.732.183	1.720.384.340
Thuế, phí và lệ phí	163.396.997	263.323.509
Dự phòng phải thu khó đòi	5.300.681.808	9.328.551.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.287.692.282	15.989.603.657
Chi phí bằng tiền khác	11.492.765.141	4.731.291.565
Cộng	83.476.787.488	70.146.486.163

47. Thu nhập khác

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thu nhập từ bán dầu tồn tại tàu thuê	-	1.382.224.733
Thu từ thanh lý TSCĐ	27.646.754.639	-
Thu thanh lý TSCĐ	82.629.570.000	-
GTCL của TSCĐ thanh lý	(49.283.979.847)	-
Chi phí thanh lý TSCĐ	(5.698.835.514)	-
Thu tiền bồi thường	12.758.002.615	4.353.270.380
Xử lý vật tư thừa do kiểm kê	209.435.156	74.359.709
Xử lý công nợ thực tế không phải thanh toán	-	103.505.365
Thu nhập khác	4.896.091.160	351.041.120
Cộng	45.510.283.570	6.264.401.307

8. Chi phí khác

THUẾ BỊ PHẠT, BỊ TRUY THU	566.057.219	629.787.786
Bảo hiểm chậm nộp	18.976.051	5.115.211
Giá vốn dầu tồn tại tàu thuê	391.847.286	1.144.052.132
Giá vốn dịch vụ sửa chữa tàu	3.967.319.656	-
Xử lý vật tư thiếu do kiểm kê	159.004.290	-
Chi phí khác	305.076.570	684.633.319
Cộng	5.408.281.072	2.463.588.448

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	172.044.874.074	138.260.930.662
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty mẹ (*)	(13.495.376.646)	(12.084.001.906)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty con (*)	(1.812.482.246)	(1.078.689.985)
Trích thưởng Ban điều hành (*)	(2.699.075.329)	(2.416.800.381)
Trích kinh phí HĐQT, BKS (*)	(2.024.306.497)	(1.812.600.286)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	152.013.633.356	120.868.838.104
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	26.798.125	26.500.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	5.673	4.561

Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn cá nhân:

	CHỨC VỤ	TIỀN LƯƠNG	THƯỞNG	THÙ LAO	CỘNG
Năm nay					
Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch HĐQT (từ 27/2/2021)	-	-	297.000.000	297.000.000
Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch HĐQT (đến 27/2/2021)	-	-	-	-
Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-	247.500.000	247.500.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	1.071.000.000	514.000.000	498.000.000	2.083.000.000
Phạm Huy Vũ	Trưởng BKS	639.583.333	181.600.000	-	821.183.333
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên BKS	520.200.000	205.275.000	-	725.475.000
Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên BKS	196.813.636	134.800.000	-	331.613.636
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	615.000.000	328.025.000	50.000.000	993.025.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	615.000.000	328.025.000	-	943.025.000
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	552.000.000	324.500.000	-	876.500.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	524.400.000	348.925.000	-	873.325.000
Cộng		4.733.996.969	2.365.150.000	1.092.500.000	8.191.646.969
Năm trước					
Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch HĐQT	-	-	600.000.000	600.000.000
Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-	500.000.000	500.000.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	926.640.000	111.667.525	600.000.000	1.438.307.525
Phạm Huy Vũ	Trưởng BKS	632.300.000	118.967.525	30.000.000	520.567.525
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên BKS	543.400.000	148.610.250	50.000.000	669.610.250
Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên BKS	390.000.000	31.851.890	30.000.000	451.851.890
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	550.800.000	411.667.525	-	962.467.525
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	550.800.000	271.498.720	-	822.298.720
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	550.800.000	276.557.175	-	827.357.175
Cộng		4.144.740.000	1.370.820.610	710.000.000	5.692.460.610

(*) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay:

Tại Công ty mẹ, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành và kinh phí HĐQT, BKS được tạm xác định theo tỷ lệ lần lượt là 5%, 2% và 1,5% lợi nhuận sau thuế năm nay theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 về kế hoạch kinh doanh năm 2021.

Tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển (Công ty con), quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm xác định theo tỷ lệ là 5% lợi nhuận sau thuế số Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/BBH-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021.

Tại Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc (Công ty con), quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm xác định theo tỷ lệ là 5% lợi nhuận sau thuế số Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/BBH-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành và kinh phí HĐQT, BKS khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 4.578 VND xuống 4.561 VND.

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	208.693.855.029	204.866.229.875
Chi phí nhân công	207.838.203.707	166.168.767.017
Chi phí khấu hao tài sản cố định	205.311.208.207	224.299.731.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	419.767.752.889	214.899.412.901
Chi phí khác	48.037.606.056	63.070.291.169
Cộng	1.089.648.625.888	873.304.432.214

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Ngoài giao dịch và số dư công nợ với Ông Nguyễn Quốc Dũng – Phó Tổng Giám đốc đã được trình bày ở thuyết minh V.5, Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ nào khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

BÊN LIÊN QUAN KHÁC	MỐI QUAN HỆ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Tcots – Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui	74.359.709
(nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)	Công ty liên kết
(từ ngày 29/11/2021)	351.041.120
Công ty Cổ phần Du lịch – Giải trí Saigon Today	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Petro Cam Ranh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	-
Sử dụng dịch vụ	3.270.851.033	2.515.584.413
Cổ tức phải trả	21.503.160.000	21.503.160.000
Sử dụng dịch vụ của các đơn vị:		
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	-	12.295.576
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	7.920.643.650	3.669.481.065
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	927.003.500	929.983.500
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	313.636.364	-
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	-	1.613.531.263
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Petro Cam Ranh	11.100.000.000	7.920.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13, V.14, V.16 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận


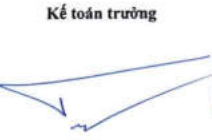

Toàn bộ hoạt động của Công ty là trong lĩnh vực kinh doanh cung cấp dịch vụ cho thuê tàu vận tải, vận chuyển thực hiện dịch vụ ngoài khơi. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Thông tin về doanh thu và giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1 và VI.2.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nghị quyết HĐQT số 07/2022/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị đã thông qua việc tạm ứng 25% cổ tức năm 2021 bằng tiền cho các cổ đông, dự kiến thực hiện ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
Đặng Hải Đăng	Vũ Quang Tiến	Lê Đăng Phúc

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ ĐĂNG PHÚC



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Số 722, Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3941 3981 | Fax: 028 3821 6446

Email: commercial@tco.com.vn